

"TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP".

BẢN CÁO BẠCH



SÔNG ĐÀ 9.06

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003554 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2004 và thay đổi lần thứ 03 ngày 28 tháng 9 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: . . . /ĐKNY do..... cấp ngày . . . tháng . . . năm . . .)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06

Địa chỉ trụ sở: Ngõ 100B, đường Hoàng Quốc Việt, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 7557145

Fax: (84-4) 7557145

Email: Songda9.06@fmail.vnn.vn

Website: <http://www.songda906.com.vn>

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An

Địa chỉ trụ sở: Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 9446218

Fax: (84-4) 9446213

Email: contact@tas.com.vn

Website: <http://www.tas.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thanh Hải Số điện thoại: (84-4) 7557143

MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06	2
NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	3
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	3
1. Rủi ro về kinh tế	3
2. Rủi ro về luật pháp.....	3
3. Rủi ro đặc thù	3
4. Rủi ro khác	4
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	4
1. Tổ chức niêm yết	4
2. Tổ chức tư vấn.....	4
III. CÁC KHÁI NIỆM	4
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	8
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	8
4. Danh sách cổ đông và tỷ lệ nắm giữ.....	10
5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	12
5.1. Danh sách công ty mẹ.....	12
5.2. Danh sách công ty con.	12
5.3. Danh sách công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06:.....	12
5.4. Danh sách các công ty mà Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 tham gia góp vốn	12
6. Hoạt động sản xuất kinh doanh	13
6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	13
6.2. Nguyên vật liệu.....	14
6.3. Chi phí sản xuất	15
6.4. Trình độ công nghệ.....	16
6.5. Kế hoạch nâng cao thiết bị máy móc.....	17
6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	17
6.7. Hoạt động Marketing	19
6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	20
6.9. Các hợp đồng lớn đã được thực hiện	20
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất.	22
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh	22
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh	24
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	25
8.1. Vị thế của công ty trong ngành:	25
8.2. Triển vọng phát triển của ngành:.....	25



8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.	26
9. Chính sách đối với người lao động.....	27
10. Chính sách cổ tức.....	28
11. Tình hình hoạt động tài chính	29
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2006	29
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	36
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	37
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	47
13.1. Kết quả kinh doanh dự kiến của Công ty đến năm 2010.....	47
13.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.....	47
13.3. Các định hướng và mục tiêu phát triển đến năm 2010.....	51
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	51
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết ...	52
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	52
IV. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	53
1. Loại chứng khoán.....	53
2. Mệnh giá.....	53
3. Tổng số cổ phiếu.....	53
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	53
5. Phương pháp tính giá.....	53
5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	54
6. Các loại thuế có liên quan.....	54
V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	55
1. Tổ chức tư vấn:.....	55
2. Tổ chức kiểm toán	55
VI. PHỤ LỤC.....	56



SÔNG ĐÀ 9.06

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003554 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2004 và thay đổi lần thứ 03 ngày 28 tháng 9 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá : 10.000 VNĐ/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần)
Tổng số lượng niêm yết: 2.500.000 cổ phần (Hai triệu năm trăm nghìn cổ phần)
Tổng giá trị niêm yết : 25.000.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm tỷ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN CHI NHÁNH QUẢNG NINH

Trụ sở: Số 1 – Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam

Tel: 04-8241990/1 Fax: 04-8253973

Chi nhánh: Cột 2 - Đường Nguyễn Văn Cừ - Hạ Long - Quảng Ninh

Tel : 0.33.6.27571/2 Fax : 0.33.6.27572

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÀNG AN (TAS)

Trụ sở: Tầng 9 - Tòa nhà 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04-9446218 Fax: 04-9446213

Email: contact@tas.com.vn

Website: <http://www.tas.com.vn>

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Đất nước đang trong giai đoạn tăng trưởng nhanh, nhu cầu cho đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng lại càng lớn. Là một đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, xây dựng thủy điện, viễn thông, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp v.v..., sự phát triển của nền kinh tế sản xuất có tác động tích cực đến khả năng tăng trưởng phát triển của công ty.

Hiện nay, Công ty đã mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực như đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản. Đây là lĩnh vực kinh doanh đòi hỏi phải có nguồn vốn lớn. Bên cạnh đó lĩnh vực này cũng khá nhạy cảm với diễn biến của nền kinh tế; Khi nền kinh tế tăng trưởng và ổn định, lĩnh vực này hứa hẹn mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế đình trệ thì đầu tư vào các dự án bất động sản sẽ trở nên khó khăn hơn do có sự rút lui của những nguồn tài chính dài hạn cũng như mức độ tài trợ vốn của các ngân hàng và các định chế tài chính khác cũng giảm đáng kể.

Có thể nói rằng rủi ro kinh tế là nhân tố ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, các khung pháp lý cho hoạt động kinh tế được xây dựng gấp gáp và đôi lúc còn thiếu tính thực tiễn. Điều này gây không ít khó khăn cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp.

Hiện tại hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng khoán. Trong thời gian tới rủi ro luật pháp đối với doanh nghiệp là không cao do 2 luật này có tính pháp lý và tính ổn định nhất quán cao hơn các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành trước đó.

3. Rủi ro đặc thù

Trong hoạt động xây dựng cơ bản, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hiện nay việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, các chủ đầu tư là các bộ ngành và địa phương thường bố trí quá nhiều dự án, công trình xây dựng không tương xứng với nguồn vốn đầu tư cho nên thi công kéo dài, khối lượng đầu tư dở dang nhiều. Điều đó càng làm chậm thêm tiến độ giải ngân và thanh quyết toán của các công trình và làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các công ty xây dựng, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu, phải trả và dòng tiền hoạt động.

Ngoài ra, giá cả các yếu tố đầu vào của ngành xây dựng liên tục có sự biến động lớn, đặc biệt là thép đang ở mức cao và còn có xu hướng tăng làm ảnh hưởng đến chi phí của Công ty. Tuy nhiên, với nhiều kinh nghiệm trong đấu thầu và có uy tín trong ngành cũng như



được sự hỗ trợ của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 và Tổng Công ty Sông Đà, Công ty luôn có kế hoạch và biện pháp ổn định giá cả và các yếu tố đầu vào nhằm đảm bảo được tiến độ sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

4. Rủi ro khác

- **Rủi ro lãi suất**

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, tỷ lệ nợ luôn chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu vốn của Công ty. Do vậy nếu lãi suất biến động theo chiều hướng đi lên sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Rủi ro về lạm phát**

Trong thời gian qua (2005 – 2006) giá cả hàng hoá biến động lớn với chiều hướng gia tăng. Đặc biệt các mặt hàng như xăng dầu, sắt thép, xi măng..... mức biến động còn lớn hơn. Điều này gây áp lực lớn từ chi phí đầu vào cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 nói riêng.

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa v.v... gây ra là những rủi ro bất khả kháng, đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây lắp như chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ)... Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, để giảm rủi ro, Công ty đều mua bảo hiểm cho tài sản và cho các công trình mà Công ty đảm nhiệm thi công.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Nguyễn Đăng Lanh	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Đình Ngọc Ánh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông: Dương Kim Ngọc	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ông: Nguyễn Thanh Hải	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Hồ Khôi**.

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM



Công ty	Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06.
Tổ chức xin đăng ký niêm yết	Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06.
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông.
HĐQT	Hội đồng quản trị .
TSCĐ	Tài sản cố định.
VĐL	Vốn điều lệ.
VCSH	Vốn chủ sở hữu.
TGD	Tổng giám đốc.
BKS	Ban kiểm soát.
CBCNV	Cán bộ công nhân viên.
SXKD	Sản xuất kinh doanh.
Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà 9.06.
Điều lệ	Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 9.06.
TTGDCK	Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
Dự án BOO	Các dự án được xây dựng và vận hành theo hình thức: Xây dựng - Sở hữu - Vận hành

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Sông Đà 9.06 tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 9.06 thuộc Công ty Sông Đà 9 nằm trong Tổng công ty Sông Đà, được thành lập theo quyết định số: 21 TCT-VPTH do Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sông Đà ký ngày 31/5/2001.

Sau gần 3 năm hoạt động, Xí nghiệp Sông Đà 9.06 được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1749/QĐ-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển xí nghiệp Sông Đà 9.06 thuộc Công ty Sông Đà 9 thành Công ty cổ phần Sông Đà 9.06 với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 5 tỷ đồng.

Ngày 15/01/2004, Công ty cổ phần Sông Đà 9.06 đã chính thức được đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003554 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã được Tổng Công ty Sông Đà giao thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng trên những công trình trọng điểm của đất nước như: Nhà máy thủy điện Yaly, nhà máy thủy điện Sơn La, nhà máy thủy điện Tuyên Quang, nhà máy thủy điện Nậm Chiến...

Các công trình Công ty đã trúng thầu thi công: Nhà máy xi măng Hoàng Mai, Viện xã hội học Campuchia, sân vận động Hà Nội, trụ sở làm việc Công an tỉnh Hoà Bình, Khách sạn Mặt trời Sông Hồng – 23 Phan Chu Trinh – Hà Nội, Khách sạn 109 Trần Hưng Đạo – Hà Nội, Khách sạn du lịch Công đoàn Việt Nam – 14 Trần Bình Trọng – Hà Nội, Trụ sở làm việc Tổng công ty phát hành sách Việt Nam – 44 Tràng Tiễn – Hoàn Kiếm – Hà Nội, Công viên Nguyễn Thái Học tỉnh Yên Bái, Trụ sở làm việc Công ty cổ phần Sông



SÔNG ĐÀ 9.06

Đà 9 (11 tầng), Toà nhà hỗn hợp Mỹ Đình – Hà Nội (17 tầng), Chung cư CT4, CT9 khu đô thị Mỹ Đình – Hà Nội... Và nhiều công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ khác.

Ngoài lĩnh vực thi công xây lắp, Công ty đã nhiều năm sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm.

Hiện nay Công ty đang làm chủ đầu tư các dự án: Nhà máy thuỷ điện Nậm Xây Nội 2, nằm trên địa bàn xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, với công suất lắp máy 7MW, tổng dự toán trên 130 tỷ đồng. Sau khi xây dựng xong, Công ty sẽ trực tiếp quản lý, vận hành và bán điện; Dự án toà nhà hỗn hợp tại ngõ 100B, đường Hoàng Quốc Việt cao 21 tầng với tổng mức đầu tư 80 tỷ.

Ngày 28 tháng 9 năm 2007, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03, theo đó ngành, nghề kinh doanh của Công ty được bổ sung, đồng thời Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 5 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng với ngành, nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ điện, thuỷ lợi, giao thông, đường dây và trạm biến thế điện đến 35KV;
- Tư vấn thiết kế xây dựng, đầu tư hạ tầng và kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh vật tư, vận tải, sản xuất đồ gỗ gia dụng;
- Kinh doanh và đầu tư tài chính (không bao gồm các hoạt động tín dụng, ngân hàng được quy định tại các Luật tổ chức tín dụng);
- Thi công khai thác đất đá bằng phương pháp nổ mìn;
- San lấp, đào đắp, nạo vét bằng cơ giới các loại công trình xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và công nghiệp;
- Sửa chữa xe máy thiết bị và gia công cơ khí;
- Sản xuất kinh doanh hàng tiêu dùng;
- Quản lý vận hành nhà máy thuỷ điện, bán điện;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp điện;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân;
- Kinh doanh nước sạch.

Quá trình tăng vốn

Theo Quyết định cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 có vốn điều lệ là 5,0 tỷ đồng; tính đến thời điểm ngày 31/12/2005 vốn thực góp của Công ty là 4.925.000.000 đồng (do một số cán bộ công nhân viên trong Công ty chưa góp đủ tiền). Đến ngày 31/12/2006, toàn bộ cổ đông đã góp đủ phần vốn và Công ty đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính với vốn điều lệ và vốn thực góp là 5 tỷ đồng.

Đại hội cổ đông Công ty ngày 28/3/2007 thông qua phương án tăng vốn điều lệ lần đầu tiên, từ 5,0 tỷ lên 25 tỷ đồng. Tháng 9/2007, Công ty hoàn tất và tiến hành kiểm toán vốn với số vốn điều lệ và vốn thực góp là 25 tỷ đồng.



SÔNG ĐÀ 9.06

Quá trình tăng vốn của công ty như sau:

Thời gian	Vốn điều lệ	Số vốn tăng thêm	Hình thức tăng vốn
1/2004	5.000.000.000*	0	Thành lập CT CP Sông Đà 9.06
8/2007	25.000.000.000	20.000.000.000	Trả cổ tức năm 2006 bằng cổ phiếu theo tỉ lệ 10:1,3 và phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:38,7 với giá bằng mệnh giá.

(Nguồn: Số liệu báo cáo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 tháng 9 năm 2007).

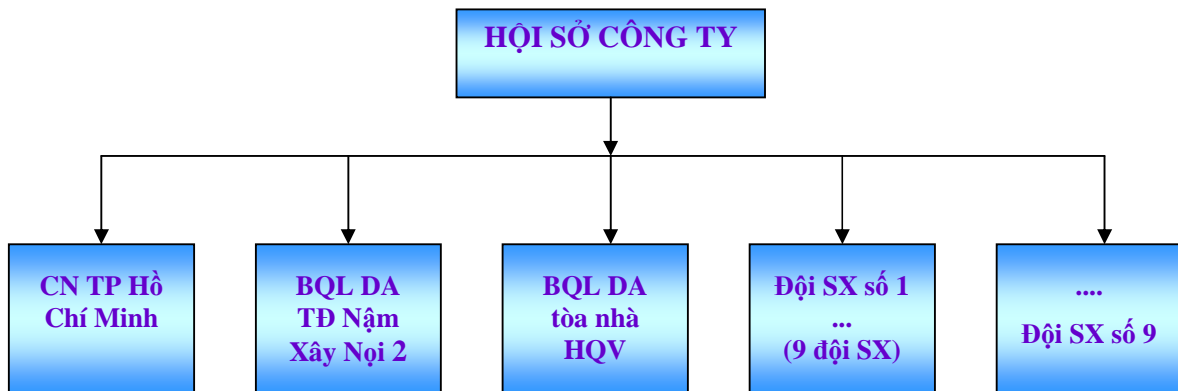
Chú thích (*): Tại thời điểm thành lập, vốn điều lệ của Công ty là 5,0 tỷ đồng. Tuy nhiên một số cán bộ công nhân viên chưa góp đủ tiền nên vốn thực góp tính đến thời điểm ngày 31/12/2004 là 4.865.000.000 đồng, ngày 31/12/2005 là 4.925.000.000 đồng. Quý IV năm 2006, toàn bộ cổ đông đã góp đủ, sau đó Công ty tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2006 và hoàn thiện các thủ tục tăng vốn điều lệ lần đầu tiên, từ 5,0 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng.

Giới thiệu chung

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
- Tên tiếng Anh : Song Da No 9.06 Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Song Da No 9.06., JSC
- Trụ sở chính : Ngõ 100B, đường Hoàng Quốc Việt, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04. 7557145
- Fax : 04. 7557145
- Email : Songda9.06@fmail.vnn.vn
- Website : <http://www.songda906.com.vn>
- Người đại diện trước pháp luật: Ông Đinh Ngọc Ánh, Tổng giám đốc Công ty
- Logo Công ty :

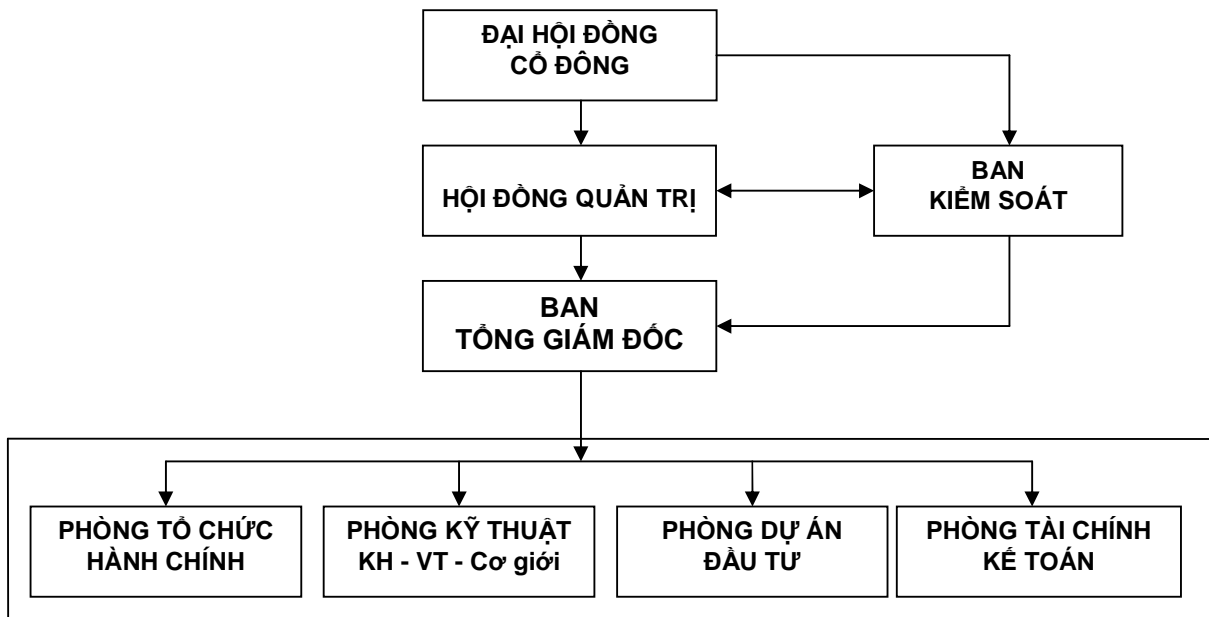


2. Cơ cấu tổ chức Công ty.



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.

Hiện nay, ngoài khối văn phòng đặt trụ sở chính tại nhà A9, ngõ 100B đường Hoàng Quốc Việt, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Công ty còn có 11 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh, Ban quản lý dự án và những đội xây lắp trực tiếp thi công trên khắp mọi miền đất nước. Mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 được thể hiện chi tiết trong sơ đồ sau:



- a) **Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật.
- b) **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, có toàn quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có quyền và nghĩa vụ giám sát TGD điều hành và những người khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị Quyết ĐHĐCĐ quy định.
- c) **Ban kiểm soát:** Là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của TGD; trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Tổng giám đốc.
- d) **Ban Tổng giám đốc:** Tổng giám đốc là người điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các Phó tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng giám đốc uỷ quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- e) **Các phòng có chức năng**
- Phòng Tổ chức Hành chính:** Có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: Tuyển dụng, quản lý, đào tạo, điều động nhân lực theo yêu cầu sản xuất; Tổ chức hành chính, chế độ chính sách đối với CBCNV; Văn thư lưu trữ và công tác quản trị văn phòng; Giám sát việc tuân thủ quy tắc, nội quy làm việc tại văn phòng Công ty, các quy chế, quy định liên quan đến các lĩnh vực phòng phụ trách hoặc tham gia phụ trách.



Phòng Tài chính Kế toán: Có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác Tài chính, công tác Kế toán trên phạm vi toàn Công ty; Soạn thảo các loại văn bản liên quan đến công tác Tài chính – Kế toán.

Phòng Kỹ thuật - Kế hoạch: Có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: Lập hồ sơ kỹ thuật, thẩm tra biện pháp thi công, phương án tổ chức sản xuất thi công, lập hồ sơ nghiệm thu, thu vốn các hạng mục công trình xây dựng của các đơn vị trực thuộc; Hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai các yêu cầu của công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty; Ứng dụng công nghệ mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; và các vấn đề liên quan đến công tác kỹ thuật thi công an toàn khi công ty làm việc với các đối tác bên ngoài.

Có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động thuộc các công tác: Quản lý kỹ thuật các thiết bị, xe máy của công ty; cung ứng kịp thời nhu cầu vật tư, phụ tùng, nhiên liệu theo yêu cầu của công tác sửa chữa xe máy, thiết bị trên cơ sở kế hoạch được HĐQT, Tổng giám đốc phê duyệt; Xây dựng phương án kinh doanh, quản lý và đưa vào sử dụng hợp lý các loại vật tư, phụ tùng; Tham mưu và chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến công tác cơ giới khi Tổng giám đốc làm việc với đối tác bên ngoài.

Có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: phân tích kinh tế, xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh; Thanh quyết toán các công trình thi công; các vấn đề liên quan đến công tác kinh tế, kế hoạch khi công ty làm việc với các đối tác bên ngoài; Quản lý các loại hợp đồng kinh tế phục vụ sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư của công ty; Soạn thảo các loại văn bản liên quan đến công tác kinh tế kế hoạch phục vụ công tác quản lý, điều hành; Quản lý các loại định mức như định mức lao động, định mức đơn giá tiền lương, các chế độ hiện hành, định mức nhiên liệu; Giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế của Công ty liên quan đến lĩnh vực kinh tế và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phòng Dự án Đầu tư: có chức năng tham mưu giúp TGD Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công tác: nghiên cứu thị trường, báo cáo cơ hội đầu tư, lập hồ sơ đấu thầu, tìm kiếm mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh; Lập hồ sơ mời thầu cung cấp máy móc thiết bị cho việc thực hiện các dự án; Đảm bảo công tác đầu tư, thị trường theo đúng các quy định pháp luật và quy định của Công ty.

4. Danh sách cổ đông và tỷ lệ nắm giữ.

a. Danh sách cổ đông sáng lập.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003554 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội thay đổi lần thứ 3 ngày 28 tháng 9 năm 2007 và danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm ngày 28/09/2007 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ %/ vốn điều lệ
			(đồng)	
1. Công ty CP Sông Đà 9		1.000.000	10.000.000.000	40,00%
Đại diện:				
	Nguyễn Đăng Lanh	400.000	4.000.000.000	16,0%
	Nguyễn Văn Đại	100.000	1.000.000.000	4,0%
	Nguyễn Văn Phúc	200.000	2.000.000.000	8,0%
	Dương Kim Ngọc	100.000	1.000.000.000	4,0%
	Đinh Ngọc Ánh	200.000	2.000.000.000	8,0%
2	Đinh Ngọc Ánh	50.000	500.000.000	2,00%
3	Đào Việt Thọ	40.700	407.000.000	1,63%
4	57 cổ đông còn lại	386.364	3.863.640.000	15,45%
Tổng cộng		1.477.064	14.770.640.000	59,08%

Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 15/01/2004 (tính đến nay được hơn 03 năm), tại thời điểm hiện tại, các cổ đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

b. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ tại thời điểm 10/9/2007

Cổ đông	Địa chỉ	Tổng giá trị	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, Hà Nội SĐKKD: 0103010465 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.	10.000.000.000	1.000.000	40,00%
Tổng		10.000.000.000	1.000.000	40%

c. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 10/9/2007

STT	Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tổng giá trị theo Mệnh giá	Tỷ lệ
1	Cổ đông tổ chức	1.000.000	10.000.000.000	40,0%
	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.000.000	10.000.000.000	40,0%
2	Cổ đông cá nhân	1.500.000	15.000.000.000	60,0%
Tổng cộng		2.500.000	25.000.000.000	100%
1	Cổ đông bên ngoài	1.917.581	19.175.810.000	77,0%



2	Cổ đông cán bộ công nhân viên	582.419	5.824.190.000	23,0%
Tổng cộng		2.500.000	25.000.000.000	100%
1	Cổ đông trong nước	2.500.000	25.000.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
Tổng cộng		2.500.000	25.000.000.000	100%

5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.

5.1. Danh sách công ty mẹ: Không có

5.2. Danh sách công ty con: Không có.

5.3. Danh sách công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06:

STT	Danh sách	Số CP nắm giữ	Tổng giá trị theo Mệnh giá	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 9 Những người đại diện:	1.000.000	10.000.000.000	40,00%
	1. Nguyễn Đăng Lanh	400.000	4.000.000.000	16,00%
	2. Đinh Ngọc Ánh	200.000	2.000.000.000	8,00%
	3. Nguyễn Văn Phúc	200.000	2.000.000.000	8,00%
	4. Dương Kim Ngọc	100.000	1.000.000.000	4,00%
	5. Nguyễn Văn Đại	100.000	1.000.000.000	4,00%

5.4. Danh sách các công ty mà Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 tham gia góp vốn

STT	Tên doanh nghiệp	Số CP nắm giữ	Tổng giá trị theo Mệnh giá	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	157.000	1.570.000.000	2,24%

6. Hoạt động sản xuất kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng cơ bản. Giá trị doanh thu qua các năm như sau:

DVT: Triệu đồng.

Mảng hoạt động	Năm 2005		Năm 2006		09 tháng năm 2007	
	Doanh thu	Tỷ lệ	Doanh thu	Tỷ lệ	Doanh thu	Tỷ lệ
Tổng giá trị doanh thu	16.932,075	100%	14.944,256	100%	28.251,02	100%
Xây dựng cơ bản	16.770,143	99,04%	14.838,197	99,29%	24.080,553	85,23%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005, 2006 và 9 tháng năm 2007 do công ty lập).

Hoạt động xây dựng cơ bản của Công ty triển khai rộng khắp trên địa bàn cả nước và ở hầu hết các lĩnh vực thi công xây lắp như: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Giao thông, Thủy lợi, Thủy điện, Truyền tải điện... Trong đó mảng thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông chiếm tỷ trọng chi phối.

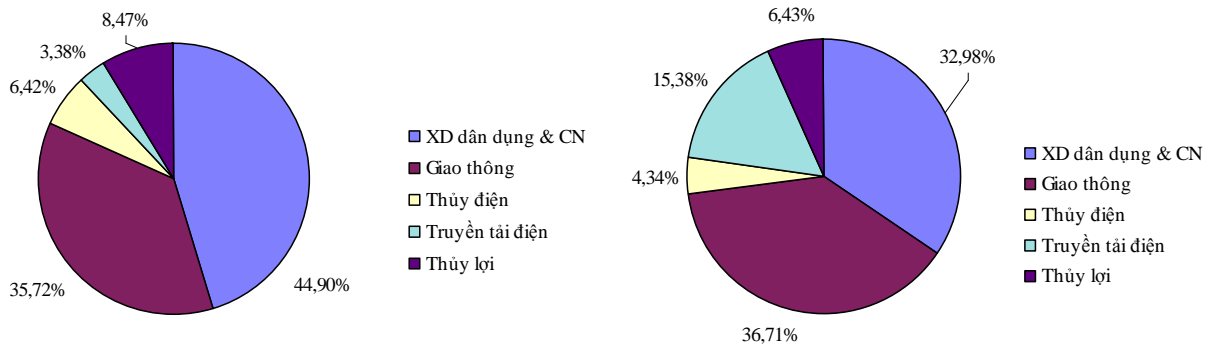
Chi tiết cơ cấu doanh thu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản như sau:

DVT: Triệu đồng

Hạng mục	Năm 2005	Năm 2006	9 tháng năm 2007
XD dân dụng & CN	7.615,31	5.442,33	1.285,8
Giao thông	6.057,37	5.486,53	14.231,13
Thủy điện	1.088,44	649,05	0,00
Truyền tải điện	573,35	2.298,72	487,10
Thủy lợi	1.435,67	961,57	2.712,29
Cộng	16.770,14	14.838,20	18.716,32

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005, 2006 và 9 tháng năm 2007 do công ty lập).

Biểu đồ cơ cấu doanh thu trong lĩnh vực thi công xây lắp như sau:



Cơ cấu doanh thu xây lắp năm 2005

Cơ cấu doanh thu xây lắp năm 2006

Với mô hình quản lý tiên tiến và áp dụng công nghệ cao trong thi công xây lắp, Công ty cổ phần Sông Đà 9.06 được các chủ đầu tư tín nhiệm giao thi công nhiều hạng mục quan trọng tại các công trình lớn như Khu công nghiệp Khí điện đạm Cà Mau, thủy điện Sơn



La, thủy điện Nậm Chiến, thủy điện Tuyên Quang, thủy điện Sê San 4, thủy điện Sứ Pán 2... Cùng với đà tăng trưởng của nền kinh tế, những năm gần đây doanh thu và lợi nhuận của Công ty đều tăng khá, doanh thu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản 9 tháng đầu năm 2007 đạt 18.716.323.943 đồng bằng 126,13% của cả năm 2006.

Lĩnh vực ngoài xây lắp

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2007 và định hướng phát triển trong các năm tới, Công ty đã kiện toàn lại bộ máy tổ chức, mở rộng thị trường, chuyển dịch cơ cấu doanh thu hợp lý, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Năm 2005 và 2006, doanh thu của công ty chủ yếu từ lĩnh vực thi công xây lắp. Năm 2007 Công ty đã chuyển dần sang lĩnh vực kinh doanh bất động sản và kinh doanh dự án. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu từ lĩnh vực ngoài xây lắp 9 tháng đầu năm 2007 tăng đột biến. Trong đó, doanh thu kinh doanh bất động sản từ dự án khu đô thị mới Văn Khê - Hà Tây là 5,36 tỷ đồng, đưa tổng doanh thu của Công ty đạt 28,2 tỷ đồng, bằng 48,29% kế hoạch cả năm.

Định hướng phát triển các lĩnh vực kinh doanh ngoài xây lắp bao gồm: Đầu tư tài chính, kinh doanh bất động sản; đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ theo hình thức BOO (Xây dựng - Sở hữu - Vận hành); đẩy mạnh các hoạt động thương mại và tham gia liên doanh đầu tư vào các dự án.

Quý III năm 2007, Công ty đã thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 tại TP.HCM để điều hành sản xuất kinh doanh khu vực phía Nam; Thành lập Ban quản lý dự án thủy điện Nậm Xây Nội 2 để thực hiện việc triển khai dự án đầu tư.

6.2. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn cung cấp

Lĩnh vực kinh doanh hiện tại của Công ty chủ yếu là thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, thủy lợi, giao thông, đường dây và trạm biến thế điện đến 35KV nên các nguồn nguyên liệu được sử dụng chính là: xi măng, sắt thép, đất, cát đá ...

- Xi măng: Công ty lựa chọn nhiều đơn vị cung cấp xi măng, trong đó Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn, công ty cổ phần xi măng Bim Sơn, công ty cổ phần xi măng Hoàng Thạch là các đơn vị cung cấp chính. Ngoài ra còn có một số đơn vị nhỏ lẻ khác. Các loại xi măng đều là những thương hiệu tốt trên thị trường.
- Sắt thép: Nguồn vật liệu này được cung cấp chủ yếu từ các đại lý của các nhà máy thép Việt – Ý, Thái Nguyên, Việt – Úc, Việt – Nga và các doanh nghiệp tư nhân có mối quan hệ lâu dài, đảm bảo về chất lượng và giá cả hợp lý như Doanh nghiệp Tư nhân Quý Hiệp, Doanh nghiệp Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát, Doanh nghiệp Vật liệu Xây dựng Phước Đức...
- Đất, cát đá: Để linh hoạt hơn trong tiến độ thi công, Công ty đã chủ động tìm kiếm các đơn vị cung cấp có uy tín nên việc đảm bảo về khối lượng và tiến độ cung cấp ổn định và kịp thời.
- Ngoài những nguyên vật liệu nói trên, một nguyên vật liệu khác được sử dụng như xăng dầu Công ty lấy từ các cửa hàng bán lẻ ở gần công trình, điện được sử dụng từ mạng lưới điện quốc gia.



Do đó nguồn nguyên vật liệu cung cấp cho đơn vị phục vụ thi công tương đối ổn định về cả khối lượng cũng như tiến độ cung cấp, đảm bảo hiệu quả cho hoạt động thi công của Công ty.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận.

- Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp, sự biến động của giá cả nguyên vật liệu là nhân tố ảnh hưởng lớn nhất đến doanh thu và lợi nhuận vì chi phí nguyên vật liệu như xi măng, sắt thép, cát, sỏi... chiếm tới 65%-75% trong tổng giá vốn hàng bán, đây cũng là mặt hàng đòi hỏi chi phí vốn đầu tư lớn nhưng lại khó thực hiện các biện pháp dự trữ phòng ngừa rủi ro.

- Do cách thức thực hiện hợp đồng hiện nay phần lớn là các hợp đồng "không điều chỉnh giá" nghĩa là giá cả nguyên vật liệu thường được ấn định trước tại thời điểm lập hồ sơ dự thầu, trong khi thời gian thực hiện hợp đồng là rất dài (từ vài tháng đến vài năm) và giá nguyên vật liệu lại biến động hàng ngày với biên độ lớn, nên giá cả nguyên vật liệu được thanh toán trong các công trình đấu thầu thường không sát với giá mà Công ty phải mua trực tiếp trên thị trường tại thời điểm thi công. Nếu thời gian thi công, nghiệm thu kéo và giá nguyên vật liệu tăng cao sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

6.3. Chi phí sản xuất

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2005		Năm 2006		9 tháng/2007	
	Giá trị	% so với doanh thu thuần	Giá trị	% so với doanh thu thuần	Giá trị	% so với doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán	15.087,92	89,97%	11.852,98	79,88%	21.027,93	74,43%
Chi phí bán hàng	0	0%	0	0%	0	0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	715,43	4,27%	1.281,43	8,63%	1.550,92	5,49%
Chi phí lãi vay	122,80	0,73%	860,94	5,80%	136,78	0,48%
Tổng cộng	15.926,15	94,97%	13.995,35	94,31%	22.743,23	80,40%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005, 2006 và 9 tháng năm 2007 do công ty lập).

Năm 2006 và 9 tháng đầu năm 2007, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu và chi phí lãi vay có sự gia tăng đột biến so với năm 2005 là do Công ty mở rộng quy mô doanh nghiệp và triển khai đồng thời nhiều dự án thi công xây lắp (trong đó có nhiều dự án nằm ở vùng sâu, vùng xa như: Công trình đường Cà Mau (chiếm tới hơn 45% doanh thu), công trình thủy điện Nậm Chiến...).

Chi phí sản xuất của Công ty năm 2006 là 11.852.982.618 đồng chiếm 79.88% doanh thu thuần. Tỷ lệ chi phí sản xuất của Công ty trong những năm gần đây giảm đáng kể (năm 2005 chi phí sản xuất chiếm tới 89.97% doanh thu, năm 2006 và 9 tháng năm 2007 giảm chỉ còn tương ứng 79,88% và 74, 43%) là do công ty thực hiện triệt để quy trình thi công, quản lý chất lượng và quản lý chi phí trong thi công xây lắp và đặc biệt thực hiện khoán gọn các đầu mục công trình, phát huy tối đa tính độc lập, tự chủ của các đội.



Chi phí lãi vay: Do năm 2006 Công ty mở rộng kinh doanh, nguồn vay ngắn hạn tăng cao nên chi phí lãi vay tăng đột biến, khoản chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng đáng kể do đang mở rộng hoạt động kinh doanh.

6.4. Trình độ công nghệ

Những năm trước đây, tuy là một doanh nghiệp nhỏ (vốn điều lệ tính đến trước tháng 4/2007 chỉ là 5 tỷ đồng) nhưng hệ thống máy móc, trang thiết bị luôn đáp ứng được nhu cầu sản xuất của Công ty, cụ thể sản lượng thi công hàng năm đạt từ 15 tỷ đến 25 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty có khoảng 20 đầu xe máy đang vận hành tốt trên các công trường, hầu hết số máy móc này có xuất xứ từ các nước có nền sản xuất máy móc tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Trung Quốc...

Theo lộ trình phát triển doanh nghiệp, tháng 4 năm 2007 Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 25 tỷ đồng và tiến hành đầu tư mới hệ thống máy móc tiên tiến, đồng bộ, tạo ưu thế hơn hẳn các doanh nghiệp khác về trình độ công nghệ (cụ thể xem phần kế hoạch nâng cao thiết bị máy móc).

Về con người: Tiền thân là một xí nghiệp thuộc Tổng công ty Sông Đà, Công ty được thừa hưởng một đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề đã được đào tạo, thử thách qua rất nhiều các dự án lớn, đòi hỏi trình độ công nghệ, kỹ thuật tiên tiến (như thủy điện Yaly, thủy điện Tuyên Quang, đường Hồ Chí Minh...). Hiện nay, trong số 375 lao động của doanh nghiệp, tổng số kỹ sư, cử nhân là 60 cán bộ chiếm tới 16% tổng lao động; Công nhân kỹ thuật lành nghề là 102 người, chiếm 38,25%; đây là lực lượng nòng cốt trên các công trường thi công. Đội ngũ và trình độ công nghệ của cán bộ công nhân viên đang là một ưu thế cạnh tranh rất lớn của doanh nghiệp.

Danh mục trang thiết bị hiện tại của Công ty tại thời điểm 30/9/2007

Đvt: Triệu đồng.

STT	Danh mục thiết bị	Hãng - nước chế tạo
I	Máy móc thiết bị	
1	Máy ủi D6R – B180	Mỹ
2	Máy xúc ROBEX 200X - 2No4	Hàn Quốc
3	Máy xúc CAT 330 – No6	Mỹ
4	Máy đầm bê tông Mikasa	Nhật Bản
5	Máy trộn bê tông 500 lít đồng bộ	Đài Loan
6	Máy phát điện 75 KVA	Cộng hoà Séc
7	Cần trục WOLFF–WK75– 18 MT	Đức
8	Máy vận thăng chở hàng 500 kg cao 27m	Việt Nam
9	Bộ tời G81 – 89	Nga
10	Máy vận thăng chở hàng 500 kg VT1	Việt Nam
11	Máy cắt thép Trung Quốc	Trung Quốc
12	Máy trắc đạc Số 4	Nhật Bản
13	Máy kính vĩ 3 T – 5KP	Nga
II	Phương tiện vận tải truyền dẫn	
1	Ô tô FAW 29M – 7564	Trung Quốc



2	Ô tô FAW 29M – 7562	Trung Quốc
3	Ô tô Hyundai 29N – 4253	Hàn Quốc
4	Ô tô Hyundai 81K – 5025	Hàn Quốc
5	Ô tô Hyundai 29N – 4240	Hàn Quốc
6	Ô tô Hyundai 29N – 4252	Hàn Quốc
7	Xe Zace 29H – 1466	Nhật Bản
Tổng cộng		

(Nguồn: Số liệu báo cáo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 tháng 9 năm 2007).

Tuy giá trị còn lại của hệ thống máy móc không cao do đã khấu hao gần hết nhưng hiện nay vẫn hoạt động tốt, góp phần gia tăng giá trị sản lượng của Công ty.

6.5. Kế hoạch nâng cao thiết bị máy móc.

Trong quá trình SXKD, Công ty không ngừng cải tiến trang thiết bị máy móc phục vụ thi công. Đặc biệt là phục vụ nhiều dự án đầu tư trọng điểm trong kế hoạch từ nay đến năm 2010; Trong năm 2007 và quý I năm 2008 Công ty tiến hành:

- Nâng cấp, duy tu bảo dưỡng giàn máy móc thiết bị hiện có của Công ty.
- Đầu tư mua 2 ÷ 3 cần trục tháp, 2 ÷ 5 máy vận thăng và một số máy móc để phục vụ cho công trình nhà chung cư hỗn hợp tại nhà hỗn hợp Hoàng Quốc Việt và các công trình khác.
- Đầu tư mới 2 ÷ 3 dây chuyền thiết bị thi công cơ giới đồng bộ và hiện đại, bao gồm: máy xúc, máy ủi, và xe ô tô vận chuyển.
- Đầu tư 01 trạm trộn bê tông (gồm thiết bị trộn bê tông và xe chuyên dụng vận chuyển) và nhiều máy móc chuyên dụng khác nhằm tăng tính tự chủ thi công xây lắp, giảm chi phí nguyên vật liệu và nâng cao tính hiệu quả thi công của đơn vị.
- Đầu tư hệ thống máy móc khác theo tiến độ thực hiện các dự án.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Quản lý chất lượng công trình xây dựng là nhiệm vụ của tất cả các chủ thể tham gia vào quá trình hình thành nên sản phẩm xây dựng bao gồm: Chủ đầu tư, nhà thầu, các tổ chức và cá nhân có liên quan trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, bảo hành và bảo trì, quản lý và sử dụng công trình xây dựng.

Đối với các dự án Công ty làm chủ đầu tư, Công ty thành lập các Ban quản lý Dự án, với đầy đủ các phòng chức năng, đủ cán bộ có năng lực, chuyên môn và kinh nghiệm đảm bảo dự án thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước và đạt chất lượng, hiệu quả cao nhất. Công ty thực hiện việc quản lý chất lượng ở tất cả các bước: khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng. Gần đây, để chuẩn bị thực hiện dự án xây dựng thủy điện Nậm Xây Nội 2, Công ty đã thành lập ban QLDA thủy điện Nậm Xây Nội 2.

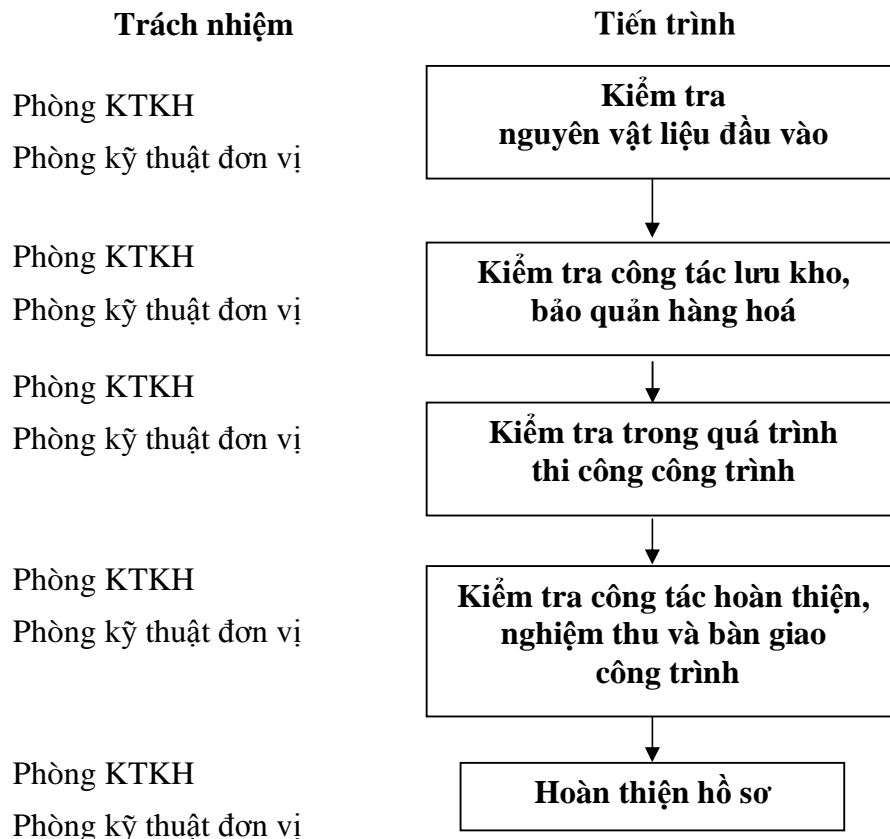


Khi là nhà thầu thi công, Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình chất lượng từ việc nhập nguyên vật liệu (chọn nhà cung cấp có uy tín, kiểm tra chất lượng, chủng loại, mẫu mã...), thí nghiệm mẫu (theo đúng tiêu chuẩn), tới việc thi công phải đảm bảo chất lượng, đúng thiết kế, phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo an toàn. Chất lượng và tiến độ thi công xây lắp của Công ty luôn luôn được kiểm tra chặt chẽ bởi tư vấn giám sát của chủ đầu tư, tư vấn giám sát của tổng thầu và cán bộ giám sát của đơn vị thi công. Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao các hạng mục công trình luôn luôn được chú trọng, phù hợp với các quy định của Nhà nước ban hành, đó là một phần trong hồ sơ quản lý chất lượng công trình xây dựng.

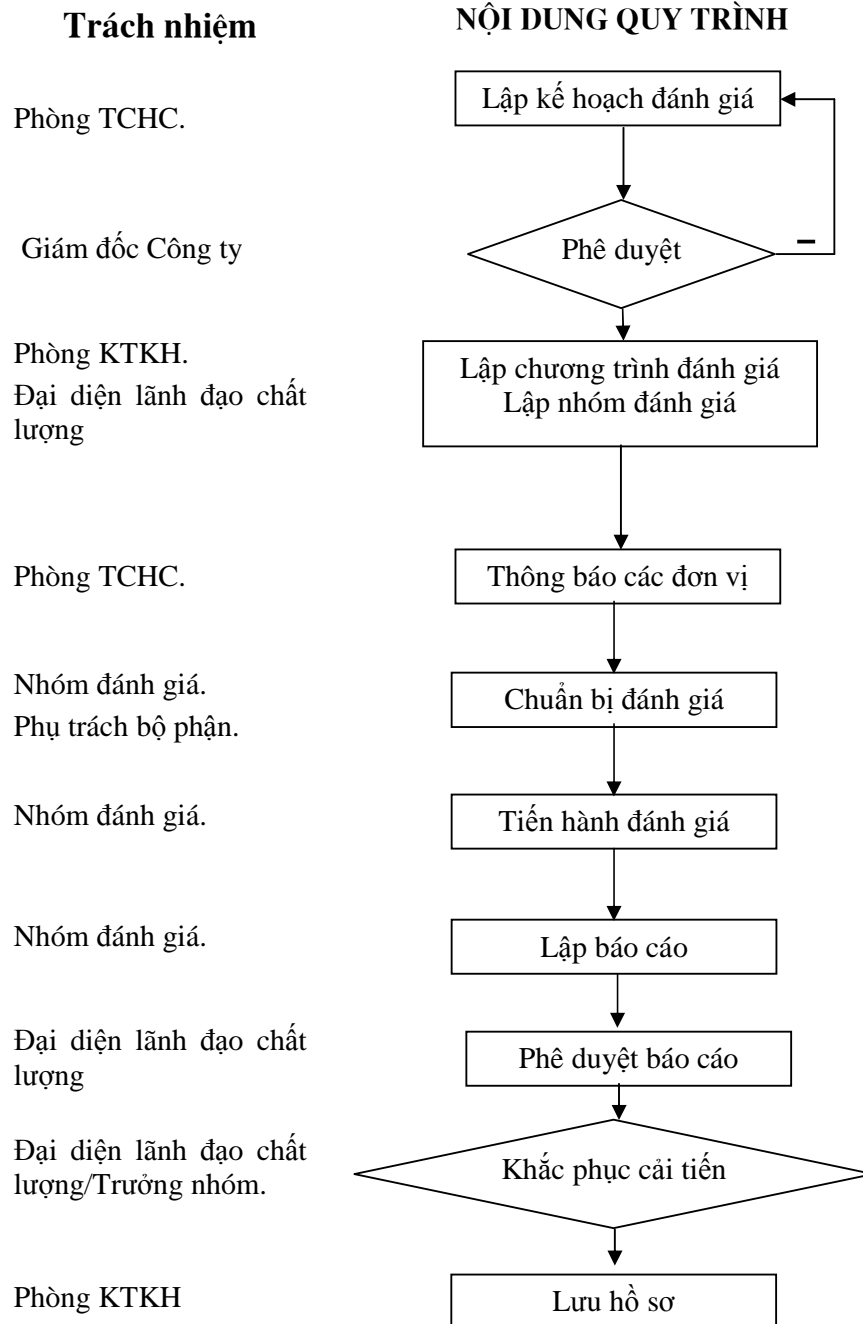
Công ty đã xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng đồng bộ, phối hợp thống nhất giữa các phòng ban, đội sản xuất theo sự chỉ đạo của Tổng giám đốc Công ty và phân công 01 Phó tổng giám đốc Kỹ thuật – An toàn trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm.

Hiện nay Công ty đang tiến hành xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9001: 2000, theo tiến độ đặt ra đến tháng 12/2007 Công ty được cấp chứng nhận.

SƠ ĐỒ VẬN HÀNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH



Trong các hoạt động kinh doanh của công ty, Công ty thống nhất vận hành các hoạt động SXKD theo các qui trình quản lý chất lượng. Việc đánh giá chất lượng nội bộ Công ty được giao cho những người có năng lực thuộc các phòng ban đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.



6.7. Hoạt động Marketing

Nhằm tối đa hiệu quả của hoạt động kinh doanh, Công ty luôn quan tâm đến công tác Marketing. Hoạt động Marketing của Công ty thực hiện chủ yếu thông qua bộ phận Thị trường và bộ phận Chăm sóc khách hàng.

- Bộ phận Thị trường có nhiệm vụ: nghiên cứu thông tin về thị trường, xây dựng chiến lược kinh doanh cho từng giai đoạn cũng như tìm kiếm khách hàng và đối tác cho Công ty.



SÔNG ĐÀ 9.06

- Bộ phận Chăm sóc khách hàng có nhiệm vụ: liên hệ và thu thập thông tin từ các ban ngành hữu quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cùng với thông tin tiếp nhận được từ khách hàng, bộ phận sẽ tập hợp nghiên cứu và giải quyết các vấn đề chính đáng nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng. Bên cạnh đó bộ phận cũng tiếp cận với các đối tác giải quyết những vấn đề khúc mắc để đảm bảo sự hợp tác hiệu quả, bền vững giữa Công ty và các đối tác trong thời điểm thị trường mang đầy tính cạnh tranh như hiện nay.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty được tách ra từ Công ty Sông Đà 9, trở thành Công ty Cổ phần và được mang thương hiệu Sông Đà, một trong thương hiệu lâu năm, chất lượng và uy tín hàng đầu của Việt Nam. Thương hiệu Sông Đà đã gắn kết với những công trình trọng điểm, công trình lớn trên toàn đất nước.

Nhãn hiệu: SÔNG ĐÀ 9.06 (Hợp đồng nhãn hiệu Sông Đà với Tổng Công ty Sông Đà).

Logo Công ty



SONG DA 9.06

Hiện nay, Công ty sử dụng logo của Tổng công ty Sông Đà, bên dưới có hàng chữ

“SONG DA 9.06”. Biểu tượng lô gô của Tổng công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu trí tuệ- Bộ khoa học Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/2/2005.

Nhãn hiệu “Sông Đà” theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66125 theo quyết định số A9294/QĐ-ĐK ngày 24/8/2005 của Cục Sở hữu trí tuệ- Bộ Khoa học và Công nghệ và các nhãn hiệu theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66123 và 66124.

Phát minh sáng chế và bản quyền: Chưa có

6.9. Các hợp đồng lớn đã được thực hiện :

Công trình công nghiệp

Dvt: tỷ đồng

Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Khởi công	Hoàn thành
Nhà máy thủy điện Tuyên Quang	5,0	5/2002	5/2003
Nhà xưởng nhà máy cơ khí Sông Đà	3,0	06/9/2004	03/2005
Nhà xưởng Hồng Xuân	3,0	11/2003	4/2004
Nhà xưởng cơ khí Hồng Xuân	3,6	06/11/2003	4/2004
Tổng cộng	14,6		

Công trình dân dụng

Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Khởi công	Hoàn thành
Nhà hỗn hợp văn phòng - chung cư	25,0	9/2003	9/2005



SÔNG ĐÀ 9.06

Tòa nhà Sông Đà	16,8	5/2001	5/2003
Trung tâm y tế Đàm Hà	2,0	5/2006	5/2007
Khu nhà thấp tầng TC4	2,5	01/2005	15/3/2005
Tổng cộng	46,3		

Công trình thủy lợi

Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Khởi công	Hoàn thành
Bản cống kép Mỹ Đình	6,0	3/11/2003	10/2004
Kênh Tràng Vinh - gói 13	14,0	3/2003	3/2004
Công trình cấp thoát nước Cổ Lũng (Thái Nguyên)	1,6	6/2006	6/2007
Xây dựng khu tái định cư huyện Sơn Cẩm - Phú Lương - Lạng Sơn	0,96	5/2006	3/2007
Tổng cộng	22,56		

Công trình giao thông

Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Khởi công	Hoàn thành
Đường vành đai 3 - Mỹ Đình	15,0	10/2002	10/2004
Đường nội bộ công ty Sông Đà	5,0	12/2002	5/2003
Đường từ TP Cà Mau tới khu công nghiệp Khí - Điện - Đạm	15,0	3/2006	6/2007
Đường thuộc thủy điện Sơn La	8,0	01/2005	01/2007
Công trình đường TC1 - thủy điện Nậm Chiến	2,35	31/12/2003	31/12/2005
Tổng cộng	45,35		

Công trình đường dây trạm biến áp

Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Khởi công	Hoàn thành
Đường dây tải điện và trạm biến áp Hòa Bình	4,0	6/2005	6/2006
Trạm biến áp Hà Đông	1,2	01/2006	9/2007
Trạm biến áp 220kV Yên Bái	0,7	12/2005	6/2006
Tổng cộng	5,9		

Công trình thủy điện

Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Khởi công	Hoàn thành
Công trình thủy điện Sê San - Gia lai	1,35	01/2006	10/2007
Công trình thủy điện Sứ Pán 2	1,5	4/2006	12/2007
Tổng cộng	2,85		

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06).

**7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất.****7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm liền trước năm đăng ký niêm yết.**– Kết quả hoạt động kinh doanh

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	% tăng giảm	9 tháng Năm 2007
Tổng giá trị tài sản	35.661.568.003	47.470.168.486	33,11%	72.509.222.563
Doanh thu thuần	16.770.143.870	14.838.197.875	-11,52%	24.080.553.943
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	851.888.161	847.543.473	-0,51%	3.260.811.913***
Lợi nhuận khác	52.878.367	100.745.329	90,52%	1.856.837.737
Lợi nhuận trước thuế	904.766.528	948.288.802**	4,81%	5.117.649.650
Lợi nhuận sau thuế	904.766.528*			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	83,16%	79,70%		

*(Nguồn báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005, 2006 và 9 tháng năm 2007 do công ty tự lập)***Chú thích:***Về khoản thuế TNDN năm 2005, 2006, 9 tháng năm 2007.**(*), (**): Theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính Phủ về việc chuyển đổi Doanh nghiệp, Công ty Nhà nước thành công ty cổ phần, sau khi trở thành công ty cổ phần, Công ty được hưởng ưu đãi như doanh nghiệp mới thành lập theo qui định hiện hành. Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN hiện hành, Công ty cổ phần Sông Đà 9.06 được miễn 100% thuế TNDN hai năm đầu, năm 2004 và 2005, và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo (từ 2006 đến 2008).**Theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 28/3/2007, lợi nhuận năm 2006 được phân chia như sau:*

- Năm 2006, Công ty được hưởng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp là 50% và tạm trích bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 132.760.433 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế là 815.528.370 đồng.
- Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc (5% lợi nhuận sau thuế) là 40.776.419 đồng.
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế) là 40.776.419 đồng.
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế) là 81.552.837 đồng.
- Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận còn lại là 652.422.696 đồng được tiến hành chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 13%, tương ứng với số tiền 650.000.000 đồng.

Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế được ghi nhận trên báo cáo tài chính năm 2006 đã được kiểm toán bằng lợi nhuận trước thuế, Công ty chưa thực hiện ghi nhận thuế thu nhập



doanh nghiệp phải nộp năm 2006 theo quy định là 14% trên báo cáo tài chính năm 2006 mà chỉ tạm kết chuyển phần thuế được miễn vào Quỹ đầu tư phát triển. Đến quý IV năm 2007, Công ty đã tiến hành nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2006 theo quy định (đính kèm giấy nộp tiền số 0012849) và Công ty có cam kết số 256/CT-TCKT ngày 12/12/2007 sẽ điều chỉnh phần thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn tương ứng với phần thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2006 đã tạm trích bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển sang khoản mục các khoản thuế phải nộp cho Nhà nước vào Quý IV năm 2007.

(***) : Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2007 gồm lợi nhuận từ hoạt động thi công xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Năm 2007, Công ty được miễn 50% thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng trong 9 tháng đầu năm chưa xác định số thuế phải nộp. Quý IV, khi hết niên độ kế toán năm 2007, Công ty sẽ xác định phần thuế phải nộp theo lợi nhuận thực tế và thực hiện nghĩa vụ thuế theo đúng quy định của pháp luật.

Theo báo cáo kiểm toán, năm 2006, Công ty đạt doanh thu thuần là 14.838.197.875 đồng, giảm 11,52% so với năm 2005 vì có phát sinh khoản giảm trừ doanh thu. Tuy nhiên, tổng lợi nhuận sau thuế vẫn tăng nhẹ (4,81%), nguyên nhân do lợi nhuận khác tăng 90,52% vì trong năm có phát sinh khoản thu từ thanh lý tài sản là 100,7 triệu đồng.

Các nguyên nhân của việc giảm trừ doanh thu năm 2006:

Tên công trình	Số tiền (đồng)	Diễn giải
CT Nhà hỗn hợp Mỹ Đình	1.299.657.058	Do đã tạm xác định doanh thu năm 2005, nhưng chủ đầu tư không xác nhận doanh thu mà chỉ cho tạm ứng theo khối lượng hoàn thành nên sang đầu năm 2006 phải giảm doanh thu đã tạm xác định trên.
CT đường 207 Cao Bằng	162.475.743	Giảm doanh thu theo quyết định của thanh tra Tỉnh Cao Bằng
CT Nhà hỗn hợp Mỹ Đình	1.210.289.445	Do tạm xác định doanh thu của công trình này theo giá trị phiếu giá là 3.610.289.445 đồng nhưng chủ đầu tư chỉ chấp nhận thanh toán giá trị là 2,4 tỷ do đó phải hạch toán giảm doanh thu và chỉ xác định doanh thu theo phiếu giá thanh toán khối lượng hoàn thành mà chủ đầu tư chấp nhận.
CT khu tái định cư Đồng Me	6.754.860	Do giá trị phiếu giá đã bao gồm cả thuế nhưng khi hạch toán, kế toán lại hạch toán giá trị phiếu giá chưa thuế nên phải điều chỉnh giảm doanh thu theo phiếu giá
Cộng	2.679.177.106	

(Nguồn báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005, 2006 và 9 tháng năm 2007 do công ty tự lập)

Doanh thu và lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2007 tăng khá so với những năm trước đây (so với năm 2006, doanh thu tăng 62,16%, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 284,66%).

Nguyên nhân:

- Trong lĩnh vực thi công xây lắp, có nhiều khoản doanh thu được ghi nhận: Công trình đường Cà Mau (12,9 tỷ đồng), doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản (5,36 tỷ đồng)...



- Đầu năm 2007, Công ty có thêm nguồn lợi nhuận 1,5 tỷ đồng từ hoạt động kinh doanh bất động sản (tham gia kinh doanh dự án Văn Khê - Hà Tây) và lợi nhuận từ thanh lý tài sản 1,86 tỷ đồng (chuyển nhượng quyền sử dụng trụ sở cũ của Công ty tại Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội).

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi:

- Công ty là Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 - một đơn vị thi công cơ giới chủ lực của Tổng Công ty Sông Đà, luôn luôn được Tổng Công ty giao cho thi công các công trình trọng điểm quốc gia.
- Thương hiệu Sông Đà là một trong những ưu thế để các bạn hàng có thể tin nhiệm Công ty, tạo nên những thuận lợi giúp cho việc hợp tác của Công ty đối với các đối tác. Bằng chứng là những Hợp đồng dự án giá trị hàng chục, hàng trăm tỷ đồng đã được ký kết. Bên cạnh đó thương hiệu Sông Đà đã giúp cho Công ty trong quá trình đàm phán các dự án lớn như: Dự án Văn Khê – Hà Đông (tổng mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng), Dự án Đan Phượng – Hà Tây (tổng mức đầu tư gần 200 tỷ đồng). Đặc biệt, gần đây địa bàn khu vực phía Nam là một thị trường mà Công ty cũng rất đang quan tâm về lĩnh vực đầu tư bất động sản.
- Ngoài đội ngũ lãnh đạo giỏi, có kinh nghiệm trong việc quản lý, Công ty còn có đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lâu năm kinh nghiệm, lành nghề trong công việc giúp cho Công ty luôn luôn thực hiện các công việc với tiến độ thi công và chất lượng tốt nhất.
- Được sự hỗ trợ của phía Công ty liên kết, Công ty đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động kinh doanh từ những giải pháp được đề ra từ cấp lãnh đạo Công ty Cổ phần Sông Đà 9 nói chung và Công ty nói riêng là nhân tố làm nên thắng lợi của Công ty.

Khó khăn:

- Đặc thù của ngành xây dựng thi công việc thiếu vốn là một trong những khó khăn hàng đầu. Tuy Công ty cũng đang dần dần đa dạng hoá các kênh huy động vốn như phát hành tăng vốn điều lệ, tham gia vào thị trường vốn nhưng tình hình nói chung vẫn chưa tháo gỡ là bao nhiêu. Do đó việc đầu tư vào công nghệ mới, thiết bị mới, tham gia vào các dự án tầm cỡ vẫn còn bị hạn chế. Các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn này cũng đã được Đại hội đồng cổ đông quan tâm nghiên cứu
- Công nghệ trong lĩnh vực xây dựng cơ bản phát triển nhanh, các thiết bị, máy móc của Công ty cũng nhanh chóng bị tụt hậu, dẫn đến việc chi phí phục hồi, sửa chữa lớn, thời gian duy trì và bảo dưỡng kéo dài làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.
- Việc nguồn nhiên liệu bị ảnh hưởng chung của thị trường, có xu hướng tăng gây nên chi phí sản xuất vận hành của Công ty tăng tương ứng làm tăng giá thành sản phẩm gây nên hệ quả tất yếu làm giảm lợi nhuận của Công ty.



- Ngoài ra việc đối tác chậm thanh toán cũng gây cho Công ty rất nhiều khó khăn, khả năng xoay vòng vốn kém. Nhu cầu vốn cao, việc Công ty tìm đến các tổ chức tín dụng là điều tất yếu, tuy nhiên lãi suất lại là một vấn đề lớn gây ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của Công ty, cùng với việc tối đa hạn mức cho hoạt động kinh doanh gây khó khăn cho các kế hoạch dự phòng của Công ty.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành:

Tiền thân là xí nghiệp làm ăn hiệu quả của Công ty Sông Đà 9 - doanh nghiệp có thế mạnh về thi công cơ giới, Công ty là một trong những đơn vị có uy tín và kinh nghiệm trong Tổng Công ty. Nhìn chung, hoạt động thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi và thủy điện của Công ty đang dần khẳng định được uy tín. Đặc biệt, với đội ngũ thợ lành nghề từng tham gia thi công nhiều công trình thủy điện lớn của đất nước, hoạt động thi công các công trình thủy điện là một thế mạnh của Công ty. Tóm lại, qua hơn 4 năm hoạt động, Công ty đã dần dần xây dựng được thương hiệu CTCP Sông Đà 9.06 với các đơn vị trong và ngoài ngành trên địa bàn khắp cả nước.

Vị thế và uy tín của Công ty trong ngành được thể hiện qua những dự án lớn mà Công ty vừa ký kết với trị giá ước tính hàng trăm tỷ đồng như dự án Khu nhà chung cư hỗn hợp 100B Hoàng Quốc Việt, dự án thủy điện Nậm Xây Nội 2. Hiện nay, Công ty cũng đang đàm phán một số dự án lớn khác.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Năm 2007 là năm đầu tiên Việt Nam tham gia vào WTO, cùng với xu thế nền kinh tế của nước ta đang trên đà phát triển và là một trong những tâm điểm hấp dẫn nguồn đầu tư từ các nước trên thế giới. Theo báo cáo từ Tổng Cục Thống Kê năm 2007 cho thấy lĩnh vực Xây dựng chiếm tới 57% nguồn vốn đầu tư vào Ngành công nghiệp với những dự án lớn trị giá hàng nghìn tỷ đồng. Ngoài ra lĩnh vực bất động sản đang hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài với nhiều dự án có quy mô rất lớn.

Bên cạnh đó tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong mấy năm gần đây khá cao và ổn định (năm 2004 là 7,7%, năm 2005 là 8,4% và năm 2006 là 8,2%). Sự phát triển khá lạc quan của nền kinh tế cùng với mức sống ngày càng tăng cao của người dân đã nảy sinh nhu cầu tất yếu về việc cải thiện nơi ở và nơi làm việc. Theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phát triển nhà ở cho thấy tiềm năng to lớn của ngành xây dựng. Quỹ đất dành cho các đô thị ngày càng hạn hẹp nên các chung cư cao cấp, cao ốc văn phòng là một giải pháp khả thi.

Thực tế hiện nay nhu cầu điện năng phục vụ cho hoạt động sản xuất và tiêu dùng của nền kinh tế ngày càng tăng. Để đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện năng ngày càng cao, từ nay đến năm 2010, bên cạnh việc sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng điện hiện có, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang phải đầu tư xây dựng mới các nhà máy điện để nâng cao công suất nguồn phát nhằm đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ điện. Đây là cơ hội đối với Công ty phát huy thế mạnh thi công các công trình thủy điện, thủy lợi.

Kế hoạch về sản lượng điện

Kế hoạch	Đơn vị	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2020
Sản lượng	Tỷ KW/h	48,5-53,0	88,5-93	201-250
Tốc độ tăng trưởng	%	9%	11%	9.5%

(Nguồn: Tập đoàn Điện lực Việt Nam)

Theo kế hoạch sản lượng trên, trong giai đoạn, 2005-2010 tăng trưởng sản lượng ngành điện bình quân tăng 11% và giai đoạn 2010-2020 tăng trưởng 9,5%. Như vậy, theo chiến lược đặt ra của ngành điện, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện bình quân hàng năm trong giai đoạn 2005-2020 sẽ đạt xấp xỉ khoảng 10%. Xu hướng phát triển ngành điện ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

❖ Định hướng chiến lược của Công ty

Củng cố và phát triển thị trường

Hiện tại, Công ty đang có những dự án ước tính hàng trăm tỷ đồng cần phải hoàn thành vào năm 2010 theo đúng tiến độ với chất lượng thi công cao nhằm củng cố thương hiệu Công ty trên thị trường. Ngoài ra, Công ty mở rộng việc đầu tư vào thị trường miền Nam cũng như các khu vực tiềm năng khác trên toàn quốc. Nhưng thị trường mà Công ty đang nhắm đến cũng là tâm điểm thu hút các nhà đầu tư cùng với những dự án mang tính tầm cỡ và có tổng giá trị lớn.

Chiến lược Marketing

Mở rộng, quan hệ tốt với các đối tác trong nước và ngoài nước nhằm tìm kiếm được nhiều dự án lớn có tầm quan trọng và những sự hợp tác ổn định, lâu dài, hiệu quả.

Công ty đã có những kế hoạch chăm sóc khách hàng nhằm duy trì mối quan hệ để phục vụ những hợp tác tiếp theo trong tương lai.

Đầu tư nâng cấp thiết bị

Hiện nay, chất lượng thi công sẽ tạo nên sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành. Để có thể cạnh tranh được, Công ty đã có những giải pháp cho việc nghiên cứu kỹ thuật cũng như đầu tư máy móc thiết bị hiện đại từ những nước phát triển.

Nguồn nhân lực

Tài sản quý nhất và mang lại thành công cho doanh nghiệp là nguồn nhân lực. Để có được đủ đội ngũ cán bộ, công nhân có kinh nghiệm, trình độ giỏi, tay nghề cao và hăng say với công việc, Công ty cũng đã hoạch định được phương hướng cho việc đầu tư nguồn nhân lực như tăng cường công tác đào tạo nghiệp vụ, cung cấp điều kiện làm việc tốt và các chế độ khen thưởng xứng đáng, khuyến khích CBCNV phát huy tối đa năng lực sáng tạo của mình nhằm thu hút lao động giỏi tay nghề cao và các cán bộ quản lý có kinh nghiệm.

❖ Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên Thế giới



Từ xu hướng phát triển của ngành xây dựng, ngành điện, tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng, đô thị hoá, và nhu cầu tăng cao trong việc giải quyết vấn đề mặt bằng cho nhà ở cũng như văn phòng có thể thấy định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn phù hợp.

9. Chính sách đối với người lao động

Tổng số người lao động: trong công ty tại thời điểm 30/08/2007 tổng số người lao động là 375 người.

Phân loại theo trình độ, tình hình lao động của Công ty như sau:

STT	Trình độ học vấn	Số người
1	Lao động trình độ đại học	60
2	Lao động trình độ cao đẳng, trung cấp	12
3	Lao động công nhân kỹ thuật	90
4	Lao động HĐ ngắn hạn	13
5	Lao động thời vụ	200
	Tổng cộng	375

(Nguồn: Số liệu báo cáo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 năm 2007).

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.

❖ Chính sách đối với người lao động

Sông Đà 9.06 đặc biệt chú trọng tới nhân tố con người, đặt người lao động vào vị trí trung tâm trong quá trình phát triển, xây dựng doanh nghiệp. Công ty quan tâm đến đầu tư CSVCKT, tạo điều kiện, môi trường tốt nhất để người lao động yên tâm, gắn bó, làm việc lâu dài tại Công ty; tạo điều kiện phát huy sáng tạo, tạo ra các giá trị mới vì sự phát triển bền vững của Công ty và vì lợi ích của mỗi người lao động trong Công ty. Công ty thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo đúng các qui định của Pháp luật. Đặc biệt, Công ty quan tâm đến công tác đào tạo kỹ năng làm việc, đào tạo nâng cao tay nghề, thường xuyên và theo từng yêu cầu cụ thể của công việc. Công ty ưu tiên, chú trọng vào một số chính sách lớn sau:

❖ Chính sách lương

Để khuyến khích cán bộ khối văn phòng làm việc có hiệu quả, Công ty đã xây dựng và ban hành phương án khoán lương áp dụng cho bộ phận gián tiếp cơ quan công ty. Theo đó, số lượng, cơ cấu nhân viên các phòng ban được định biên phù hợp với khối lượng công việc, nhiệm vụ được giao; hàng tháng, Ban giám đốc Công ty cùng các trưởng phòng tổ chức họp để đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch trong tháng. Trên cơ sở kết quả đánh giá phân loại từng phòng ban của Ban giám đốc và kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh toàn Công ty, phòng Kinh tế Kế hoạch và phòng Tài chính kế toán tính toán giá trị lương



khoản trình Giám đốc để thanh toán cho các bộ phận. Trên cơ sở lương khoán từng phòng ban, Trưởng các phòng ban căn cứ mức độ hoàn thành, hiệu quả công việc của các cá nhân trong phòng, tính toán mức lương để phân chia đảm bảo khách quan và công bằng cho từng người.

Đối với khối sản xuất trực tiếp, Công ty trả lương theo kết quả và hiệu quả công việc; sử dụng tiền lương là đòn bẩy kinh tế quan trọng làm động lực để kích thích người lao động tích cực làm việc, hoàn thành tốt số lượng, chất lượng công việc được giao, tăng năng suất lao động, gia tăng sản lượng và thị phần, tăng hiệu quả SXKD của Công ty.

Quy phúc lợi được chi theo thỏa ước lao động tập thể với các chính sách khuyến khích, động viên người lao động gắn bó, tâm huyết với doanh nghiệp. Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát, khuyến học cho con người lao động đạt thành tích cao trong học tập; tặng quà trong các dịp Lễ, Tết, sinh nhật, nghỉ hưu; kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ khi người lao động có khó khăn. Công ty thực hiện các chính sách từ thiện xã hội, tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

❖ *Chính sách đào tạo.*

Công ty luôn quan tâm, chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Cụ thể Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Quy chế đào tạo, Công ty xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo trong và ngoài nước. Công ty thực hiện có hiệu quả các kế hoạch đào tạo dài hạn và đào tạo hàng năm; thường xuyên cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ quản lý, chính trị, tin học, ngoại ngữ như:

- Thường xuyên tổ chức các khoá đào tạo ngắn hạn nhằm bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ các cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Công ty còn tổ chức đào tạo thêm các ngành nghề theo yêu cầu phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên giỏi một nghề, biết nhiều nghề.
- Đào tạo đội ngũ kế cận đảm đương các công việc quản lý, lãnh đạo của công ty.
- Thường xuyên tổ chức tập huấn cho người lao động về các văn bản quy phạm Pháp luật mới có liên quan.
- Phối hợp với các Trung tâm tiếng Anh tổ chức cho người lao động trong Công ty tham dự các khoá đào tạo tiếng Anh.

Việc thường xuyên đào tạo nâng cao cho cán bộ công nhân viên đã giúp đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty luôn đáp ứng được yêu cầu công việc và yên tâm gắn bó lâu dài với công ty, điều này giúp công ty có được sự ổn định về nhân sự cần thiết để tập trung vào sản xuất kinh doanh.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật.



Năm 2005 và năm 2006, Công ty được miễn tương ứng 100% và 50% thuế thu nhập doanh nghiệp, theo nghị quyết Đại hội cổ đông, toàn bộ số tiền này được tạm bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận còn lại tương ứng là 651.432.900 đồng và 815.528.370 đồng.

Tỷ lệ trả cổ tức trong 02 năm 2005 và 2006

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Giá trị (đồng)
2005	11%	83,16%*	541.750.000
2006	13%	79,70%**	650.000.000

Ghi chú (*), (**): Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức được tính trên số lợi nhuận còn lại theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Cổ tức năm 2006, theo Nghị quyết Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 ngày 28 tháng 3 năm 2007, được trả bằng cổ phiếu với tỷ lệ 13%.

11. Tình hình hoạt động tài chính

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2006 là 132.760.433 đồng. Tuy nhiên, trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2006 của Công ty không thể hiện số thuế phải nộp trên mà tạm trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển để làm nguồn chi trả khi cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế với Doanh nghiệp.

Các số liệu đánh giá tình hình tài chính của Doanh nghiệp được căn cứ theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2006.

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2006

a) Trích khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được áp dụng theo thời gian quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Nhóm TSCĐ	Số Năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc:	5 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị:	3 – 12 năm
- Phương tiện vận tải:	7 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng:	3 – 10 năm

- Các tài sản khác: 4 – 25 năm

- Tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2006

Đvt: đồng

STT	Danh mục TSCĐ hữu hình	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị khấu hao trong năm	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	512.740.542	96.851.006	25.637.031	415.889.536
2	Máy móc, thiết bị	9.722.951.563	7.848.703.255	944.473.176	1.874.248.308
3	Phương tiện vận tải	3.312.828.798	2.113.744.950	348.930.302	1.199.083.848
4	Thiết bị văn phòng	57.095.808	51.655.317	4.080.384	5.440.491
5	Các tài sản khác	-	-	-	-
Tổng cộng		13.605.616.711	10.110.954.528	1.323.120.893	3.494.662.183

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2006 đã được kiểm toán)

- Tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2006

Đvt: đồng

STT	Danh mục TSCĐ vô hình	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị khấu hao trong năm	Giá trị còn lại
1	Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2	Quyền phát hành	-	-	-	-
3	Bản quyền, bằng sáng chế	-	-	-	-
4	Phần mềm máy tính	-	-	-	-
5	Các TSCĐ vô hình khác	820.000.000*	82.000.008	20.500.002	737.999.992
Tổng cộng		820.000.000	82.000.008	20.500.002	737.999.992

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2006 đã được kiểm toán)

- Tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 30/9/2007

Đvt: đồng

STT	Danh mục TSCĐ hữu hình	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị khấu hao trong năm	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0	96.851.006	0	0
2	Máy móc, thiết bị	9.722.951.563	8.527.050.420	678.347.165	1.195.901.143
3	Phương tiện vận tải	3.312.828.798	2.427.850.500	314.105.550	884.978.298
4	Thiết bị văn phòng	93.629.899	58.780.209	7.124.892	34.849.690
5	Các tài sản khác	-	-	-	-
Tổng cộng		13.129.410.260	11.110.532.135	999.577.607	2.115.729.131

(Nguồn: Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2007 do Công ty tự lập)

- Tài sản cố định vô hình tại thời điểm 30/9/2007

Đvt: đồng

STT	Danh mục TSCĐ vô hình	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị khấu hao trong năm	Giá trị còn lại
1	Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2	Quyền phát hành	-	-	-	-
3	Bản quyền, bằng sáng chế	-	-	-	-
4	Phần mềm máy tính	-	-	-	-
5	Các TSCĐ vô hình khác	820.000.000*	102.500.010	20.500.002	717.499.990
Tổng cộng		820.000.000	102.500.010	20.500.002	717.499.990

(Nguồn: Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2007 do Công ty tự lập)

Ghi chú (*): Giá trị tài sản vô hình 820.000.000 VNĐ chỉ bao gồm quyền sử dụng thương hiệu Sông Đà, được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp khi tiến hành cổ phần hóa tại thời điểm ngày 30/9/2003 của xí nghiệp Sông Đà 9.06.

b) Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty trong sáu tháng đầu năm 2007 là **2.313.000** đồng/người/tháng. Công ty vẫn duy trì mức tăng lương đều đặn theo tốc độ tăng trưởng của Công ty, nhằm đảm bảo cuộc sống vật chất và tinh thần người lao động. Hiện nay, so với mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty so với mặt bằng chung của các doanh nghiệp cùng ngành nghề là tương đối cao, ổn định và mang tính cạnh tranh.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được Công ty thực hiện đúng hạn và đầy đủ.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định tại thời điểm 31/12/2006 như sau:

Đvt: đồng

STT	Nhóm thuế	Năm 2006	30/9/2007
1	Thuế GTGT	954.197.670	645.924.278
2	Thuế TNDN	0	
3	Thuế thu nhập cá nhân	0	
4	Các loại thuế khác	0	3.000.000
Tổng		954.197.670	648.924.278

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2006 đã được kiểm toán và 9 tháng năm 2007 do Công ty tự lập)

Hiện tại, Công ty vẫn nằm trong diện được ưu đãi thuế theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP và 164/2003/NĐ-CP nên ngoài các khoản được ưu đãi đó Công ty nộp đầy đủ các khoản phải nộp khác theo luật định.

e) Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cùng với Luật doanh nghiệp hiện hành của Việt Nam, trên cơ sở như sau:

- Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc: 5% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế.

Năm 2005 và năm 2006, Công ty được miễn tương ứng 100% và 50% thuế thu nhập doanh nghiệp, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, toàn bộ số tiền này được tạm trích bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển. Tình hình trích quỹ của năm 2005 và 2006 như sau:

Đvt: đồng

Các quỹ	Năm 2005	Năm 2006	30/9/2007
Quỹ đầu tư phát triển	102.537.173	413.439.149	627.752.418
Quỹ dự phòng tài chính	11.298.069	43.869.664	43.869.664
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0	70.049.114
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	11.492.957	52.269.376
Tổng	113.835.242	468.802.770	793.940.572

(Nguồn Báo cáo tài chính năm 2005, 2006 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính 9 tháng năm 2007 do Công ty tự lập)

f) Tổng dư nợ vay

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm:

Đvt: đồng

Tên Ngân hàng	HĐ số	Hạn mức	Dư nợ tại 30/06/2007	Thời hạn (tháng)	Lãi suất	Mục đích
Ngân hàng Bắc Á – CN Hàng Đậu	000790	500.000.000	500.000.000	12	1,05%	Bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Bắc Á – CN Hàng Đậu	000790	5.000.000.000	1.348.444.603	12	0,85%	Bổ sung vốn lưu động
Tổng		5.500.000.000	1.848.444.603			

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 cung cấp)

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp, Công ty thường xuyên có các khoản vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động. Công ty đã ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng Bắc Á - chi nhánh Hàng Đậu để thực hiện vay vốn và trả nợ gốc và lãi đúng hạn. Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

g) Tình hình công nợ tại thời điểm 1/1/2006 ;31/12/2006 và đến 30/9/2007

STT	Các khoản	1/1/2006	31/12/2006	30/9/2007
A	Tổng các khoản phải thu	12.330.380.874	14.137.790.364	31.008.504.122
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	12.330.380.874	14.137.790.364	31.008.504.122
1	Phải thu khách hàng	10.873.211.528	12.779.132.490	29.129.697.934
2	Trả trước cho người bán	576.651.222	1.159.517.501	1.765.009.421



SÔNG ĐÀ 9.06

3	Phải thu nội bộ	-	-	-
4	Phải thu theo tiến độ KH HĐ XD	-	-	-
5	Phải thu khác	880.518.124	277.654.211	193.796.767
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
1	Phải thu dài hạn của kh. hàng	-	-	-
2	Vốn KD ở Đơn vị trực thuộc	-	-	-
3	Phải thu nội bộ dài hạn	-	-	-
4	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
B	Các khoản nợ phải trả	29.717.966.233	41.053.077.914	41.597.632.341
I	Nợ ngắn hạn	29.707.200.751	41.042.312.432	41.586.866.859
1	Vay và nợ ngắn hạn	1.566.976.218	1.400.000.000	2.981.404.384
2	Phải trả người bán	16.312.385.317	13.537.797.575	14.512.598.247
3	Người mua trả tiền trước	689.759.600	4.873.244.046	8.986.619.046
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	385.169.563	954.197.670	2.446.720.550
5	Phải trả người lao động	2.391.121.656	2.759.296.596	2.736.424.510
6	Chi phí phải trả	1.746.340.917	10.713.594.279	8.773.176.327
7	Phải trả nội bộ	6.245.335.884	-	-
8	Phải trả theo tiến độ KH HĐ XD	-	-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	370.111.596	6.804.182.266	1.149.923.795
II	Nợ dài hạn	10.765.482	10.765.482	10.765.482
1	Phải trả dài hạn cho người bán	-	-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	-	-	-
3	Phải trả dài hạn khác	-	-	-
4	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	10.765.482	10.765.482	10.765.482

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2005, 2006 đã được kiểm toán)

- Đối với khoản phải thu của khách hàng: Do đặc thù của ngành xây dựng thường phải ứng một lượng vốn lớn để thi công trước và quyết toán công trình sau nên thời điểm ghi nhận doanh thu thường trước thời điểm thu tiền của khách hàng. Hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2007 của Công ty tăng trưởng khá và có nhiều khoản doanh thu được ghi nhận so với năm 2005, 2006 (tăng gần 100%) nhưng tiến độ thu tiền từ khách hàng chậm hơn tiến độ ghi nhận doanh thu, dẫn đến các khoản phải thu của khách hàng 9 tháng đầu năm 2007, là 29,13 tỷ đồng, tăng so với năm 2005 là 167,90% và 2006 là 127,94%. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tăng cường công tác thanh quyết toán và chỉ thi công những công trình có nguồn vốn rõ ràng, thanh toán nhanh nhằm cải thiện chỉ tiêu này.
- Đối với khoản phải trả cho người lao động, giá trị khoản phải trả này năm 2006 là 2.759.296.596 đồng, 9 tháng năm 2007 là 2.736.424.510 đồng: Chủ yếu là các khoản phải trả cho các Đội công trình (9 tháng năm 2007 là 2.557.069.781 đồng, chiếm 93,44% tổng các khoản phải trả cho người lao động). Do phần lớn các đội chưa thanh

quyết toán được với Chủ đầu tư. Số tiền trên sẽ được thanh toán cho các đội trưởng đảm nhiệm thi công ngay sau khi Chủ đầu tư chuyển tiền trả Công ty.

Chú thích về số liệu trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Số liệu dùng phân tích các chỉ số tài chính:

Đối với số liệu kế toán năm 2005 được sử dụng theo số dư tại ngày 1/1/2006 của Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2006.

Sự khác nhau về số liệu kế toán tại thời điểm 31/12/2005 và 1/1/2006: Các số liệu trong báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005 và 2006 được lập theo các chuẩn mực kế toán của Việt Nam và pháp luật hiện hành. Mặc dù tổng nguồn vốn và tổng tài sản chuyển từ cuối năm 2005 (tại ngày 31/12/2005) sang đầu năm 2006 (tại ngày 1/1/2006) là không thay đổi. Tuy vậy một số các chỉ tiêu chi tiết trong hai báo cáo tài chính có sự chênh lệch.

Nguyên nhân: Do chế độ chính sách nhà nước thay đổi trong việc thực hiện công tác kế toán, báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005 được lập theo chuẩn mực kế toán hiện hành quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30/3/2005 v/v hướng dẫn kế toán thực hiện 6 chuẩn mực kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Còn báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2006 được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính v/v ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.

Chi tiết các khoản chênh lệch như sau:

Chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán	Số dư ngày 01/01/2006	Số dư ngày 31/12/2005	Chênh lệch
TÀI SẢN			
A. Tài sản ngắn hạn	29.085.284.933	28.901.146.635	184.138.298
I. Các khoản phải thu	12.330.380.874	15.238.277.352	-2.907.896.478
1. Các khoản phải thu khác	880.518.124	3.788.414.602	-2.907.896.478
II. Tài sản ngắn hạn khác	3.800.885.562	708.850.786	3.092.034.776
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	892.989.084	0	892.989.084
2. Tài sản ngắn hạn khác	2.907.896.478	708.850.786	2.199.045.692
B. Tài sản dài hạn	6.576.283.070	6.760.421.368	-184.138.298
I. Tài sản dài hạn khác	0	184.138.298	-184.138.298
1. Chi phí trả trước dài hạn	0	184.138.298	-184.138.298
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	35.661.568.003	35.661.568.003	0
NGUỒN VỐN			
A. Nợ phải trả	29.717.966.233	29.717.966.233	0
I. Nợ ngắn hạn	29.707.200.751	28.816.679.111	890.521.640
1. Chi phí phải trả	1.746.340.917	1.757.106.399	-10.765.482
2. Phải trả nội bộ	6.245.335.884	5.344.048.762	901.287.122
II. Nợ dài hạn	10.765.482	901.287.122	-890.521.640



1. Phải trả dài hạn nội bộ	0	901.287.122	-901.287.122
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	10.765.482	0	10.765.482
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.943.601.770	5.943.601.770	0
I. Vốn chủ sở hữu	5.943.601.770	5.943.601.770	0
1. Quỹ dự phòng tài chính	11.298.069	0	11.298.069
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	11.298.069	-11.298.069
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	0	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	35.661.568.003	35.661.568.003	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2005, 2006 đã được kiểm toán)

Ghi chú: Các khoản không có sự thay đổi xem chi tiết trong báo cáo tài chính.

- ❖ Phân tài sản: Mục A (tài sản ngắn hạn), số dư cuối năm 2005 chuyển sang là 28.901.146.635VNĐ, nhưng chỉ tiêu này đầu năm 2006 là 29.085.284.933VNĐ; chênh lệch +184.138.298 VNĐ.

Năm 2005 số tiền này thể hiện ở mục B.I.1 (chi phí trả trước dài hạn khác), sang năm 2006 được thể hiện tại các chỉ tiêu nằm trong mục A (tài sản ngắn hạn). Cụ thể như sau:

- Mục A.I (Các khoản phải thu): Ngày 01/01/2006 so với Ngày 31/12/2005 chênh lệch -2.907.896.478 VNĐ.

Nguyên nhân: Năm 2005 số tiền này thể hiện tại mục AI.1 (các khoản phải thu khác), nhưng năm 2006 lại thể hiện tại mục A.II.2 (tài sản ngắn hạn khác).

- Mục AII (Tài sản ngắn hạn khác): Số dư cuối năm 2005 so với năm 2006 chênh lệch +3.092.034.776 VNĐ.

Nguyên nhân: Số tiền chênh lệch này năm 2006 được thể hiện mục AII (tài sản ngắn hạn khác) nhưng năm 2005 số tiền này được thể hiện trong mục A.I (các khoản phải thu).

- ❖ Phân tài sản dài hạn: Mục B (tài sản dài hạn) ngày 01/1/2006 chênh lệch so với 31/12/2005 là -184.138.298 VNĐ.

Nguyên nhân: Năm 2006, toàn bộ số tiền này thể hiện tại chỉ tiêu của mục A (tài sản ngắn hạn).

- ❖ Phân nợ phải trả: Mục A (nợ phải trả) không chênh lệch nhưng trong các chỉ tiêu thành phần lại có sự thay đổi, cụ thể như sau:

- Mục A.I (nợ ngắn hạn): ngày 01/01/2006 chênh lệch so ngày 31/12/2005 là -890.521.640 VNĐ.

- Mục A.II (nợ dài hạn): ngày 1/1/2006 chênh lệch so ngày 31/12/2005 là +890.521.640 VNĐ.

Nguyên nhân: Năm 2005, toàn bộ số tiền mục A.II.1 (phải trả dài hạn nội bộ) chuyển sang mục A.I.1 (phải trả nội bộ) của năm 2006; số tiền -10.765.482 của khoản chi phí phải trả trong mục A.I (nợ ngắn hạn) năm 2005 được chuyển sang khoản A.II.2 (dự phòng trợ cấp mất việc làm).



❖ Phần nguồn vốn chủ sở hữu: Mục B.I (vốn chủ sở hữu), chỉ tiêu quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cuối năm 2005 thể hiện số tiền 11.298.069 VNĐ, nhưng số tiền của chỉ tiêu này khi chuyển số dư sang năm 2006 lại thể hiện tại chỉ tiêu quỹ dự phòng tài chính.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2005	Năm 2006
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	0,979	1,029
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	lần	0,546	0,449
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	83,3	86,5
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	5,0	6,409
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	lần	1,56	0,65
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	47,03	31,26
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,40	6,39
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,22	14,80
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,54	2,00
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,08	5,71

Năm 2005 và 2006 có một số thay đổi trong quản lý vĩ mô của ngành xây dựng hạ tầng như: thay đổi trong cơ chế quản lý vốn, cơ chế quản lý chất lượng xây dựng cơ bản, nghiệm thu thanh toán công trình. Sự thay đổi này đòi hỏi chủ đầu tư và doanh nghiệp phải có thời gian để phù hợp với cơ chế mới và trong ngắn hạn có ảnh hưởng tiêu cực đến thời gian nghiệm thu, quyết toán của Công ty.

Cùng với sự biến động trong quản lý vĩ mô của ngành như đã nêu ở trên và đặc thù của ngành xây dựng, hơn thế nữa Công ty là một doanh nghiệp mới thành lập nên năm 2005 và 2006 Công ty có gặp nhiều khó khăn về vốn lưu động và tiến độ nghiệm thu và bàn giao các công trình đã hoàn thành. Dẫn đến giá trị hàng tồn kho của Công ty khá lớn mà chủ yếu là giá trị công trình xây dựng dở dang (năm 2005 là 12,669 tỷ đồng và năm 2006 là 23,639 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ trong tổng giá trị hàng tồn kho tương ứng là 98,39% và 99,27%). Đây là nhân tố chính ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nhanh, làm giảm chỉ tiêu về năng lực hoạt động và khả năng sinh lời của Công ty. Cụ thể như sau:

➤ Chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn của Công ty ở mức trung bình so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề nhưng chỉ số thanh toán nhanh lại khá thấp. Như đã nêu ở trên,



do hàng tồn kho ở mức cao (năm 2005 là 12,876 tỷ đồng, năm 2006 là 23,812 tỷ đồng tương ứng 44,27% và 56,38% tổng tài sản ngắn hạn) hơn thế nữa nợ ngắn hạn của Công ty khá lớn (tổng nợ ngắn hạn năm 2005 là 29,707 tỷ đồng, bằng 83,3% và năm 2006 là 41,042 tỷ đồng, bằng 86,45% tổng nguồn vốn) dẫn đến chỉ số thanh toán nhanh thấp.

Cũng do nợ ngắn hạn của Công ty lớn và đặc thù của ngành xây dựng thường phải ứng tiền trước để thi công các công trình đã trúng thầu, vậy nên trong cơ cấu nguồn vốn, chỉ tiêu về hệ số nợ khá lớn.

➤ Các hệ số phản ánh tình hình hoạt động của doanh nghiệp cũng thấp, hệ số vòng quay hàng tồn kho nhỏ, tốc độ luân chuyển vốn lưu động chậm.

Tiến độ giải ngân và nghiệm thu năm 2005 và 2006 của chủ đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng, đặc biệt là các dự án về giao thông mà Công ty tham gia rất chậm, làm giảm luồng vốn lưu động, ảnh hưởng đến doanh thu, hiệu quả sử dụng tài sản và các chỉ số về năng lực hoạt động của doanh nghiệp.

➤ Lợi nhuận những năm vừa qua của Công ty ở mức trung bình, dẫn đến các hệ số phản ánh khả năng sinh lời của Công ty chỉ đạt mức khá khiêm tốn. Ngoài ảnh hưởng chung của sự biến động trong ngành và sự chậm trễ công tác thanh toán của chủ đầu tư, việc vốn chủ sở hữu khá thấp (tính đến cuối năm 2006 chỉ đạt ~6,4 tỷ đồng) đã làm giảm đáng kể hiệu quả sử dụng vốn và tổng tài sản của Công ty. Đây cũng là khó khăn chung của các doanh nghiệp chỉ hoạt động trong lĩnh vực nhận thầu thi công xây lắp.

Với sự chuyên hướng kinh doanh từ đi nhận thầu thi công công trình, bị động trong thanh quyết toán sang lĩnh vực kinh doanh dự án, thực hiện làm chủ đầu tư; đa dạng hóa các kênh huy động vốn, trong những năm tới, mục tiêu đề ra của doanh nghiệp là giảm tối đa các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải trả cho người lao động và cải thiện các chỉ số tài chính.

Đầu năm 2007 Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 5 tỷ lên 25 tỷ để tài trợ cho một số các dự án tiềm năng mà Công ty đảm nhiệm đồng thời thay đổi cơ cấu vốn hợp lý hơn để đảm bảo an toàn về mặt tài chính trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị:

STT	Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đăng Lanh	Chủ tịch HĐQT
2	Đình Ngọc Ánh	Ủy viên HĐQT
3	Đào Việt Thọ	Ủy viên HĐQT
4	Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên HĐQT
5	Lê Quốc Huy	Ủy viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc:

STT	Tên	Chức vụ
1	Đình Ngọc Ánh	Tổng giám đốc
2	Đào Viết Thọ	Phó Tổng giám đốc
3	Lê Văn Toàn	Phó Tổng giám đốc
4	Lê Quốc Huy	Phó TGD- Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Ban Kiểm soát:

STT	Tên	Chức vụ
1	Dương Kim Ngọc	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Văn Đại	Ủy viên Ban Kiểm soát
3	Trần Đức Hạnh	Ủy viên Ban Kiểm soát

Kế toán trưởng: Nguyễn Thanh Hải

Sơ yếu lý lịch trích ngang

1. Họ và tên: Nguyễn Đăng Lanh

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 22/8/1954
- Nơi sinh : Đông Anh – Hà Nội
- Số CMND : 012899392 Cấp ngày: 04/8/2006 tại Hà Nội
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 22, ngách 102/27 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 04 7683839
- Trình độ giáo dục phổ thông : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy xây dựng
- Quá trình công tác

Thời gian công tác 15 năm gần đây

Chức vụ, đơn vị công tác

- 1989 - 1995 – Giám đốc Xí nghiệp Cơ giới - Công ty Thi công Cơ giới – Tổng Công ty Sông Đà
- 1995 - 2001 – Phó giám đốc Công ty Sông Đà 9
- 2001 - 2005 – Giám đốc Công ty Sông Đà 9
- Từ 2006 đến nay – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 9
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 9.06.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 9.



- Số lượng cổ phần nắm giữ : 400.000 cổ phần
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn của CTCP Sông Đà 9 : 400.000 cổ phần
- Sở hữu do những người có liên quan nắm giữ:
 - Vợ: Bà Nguyễn Thị Nhăm nắm giữ 33.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : *không*

2. Họ và tên: Đinh Ngọc Ánh

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 08/4/1959
- Nơi sinh : Thượng Hoà – Nho Quan - Ninh Bình
- Số CMND : 012793268 Cấp ngày 10/6/2005 tại Hà Nội
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Nhà số 6 ngõ 166 đường Trần Duy Hưng, tổ 12, Trung Hoà, Cầu Giấy – Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 04 7557141
- Trình độ giáo dục phổ thông : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác

Thời gian công tác 15 năm gần đây

Chức vụ, đơn vị công tác

- 1992 – 1995 – Trưởng phòng KTKH Công ty Thủy Công - Tổng Công ty Sông Đà.
- 1995 – 2001 – Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 15 - Tổng Công ty Sông Đà.
- 2001 – 2003 – Giám đốc Xí nghiệp 9.06 trực thuộc Công ty Sông Đà 9.
- 2004 – 9/2007 – Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06.
- Từ 10/2007 đến nay – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06.
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT-Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: *không*
- Số cổ phần nắm giữ : 250.000 cổ phần
- Trong đó
 - Sở hữu cá nhân : 50.000 cổ phần
 - Đại diện phần vốn CTCP Sông Đà 9 : 200.000 cổ phần
- Sở hữu do những người có liên quan nắm giữ: : *không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : *không*

**3. Họ và tên: Đào Viết Thọ**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13/8/1951
- Nơi sinh : Vân Nam – Phúc Thọ - Hà Tây
- Số CMND : 011814381 Cấp ngày 10/12/1993 tại Hà Nội
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 47 Phố Thi Sách - Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 0903 262 131
- Trình độ giáo dục phổ thông : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư
- Quá trình công tác

Thời gian công tác 15 năm gần đây**Chức vụ, đơn vị công tác**

- 1992 – 1994 - Chuyên viên – Công ty khảo sát thiết kế Điện I
- 1995 – 1998 - Đội trưởng – Công ty Xây dựng và Cơ giới Kỹ thuật
- 1998 – 1999 - Trưởng phòng Kế hoạch – Công ty Xây dựng và Cơ giới Kỹ thuật
- 2000 – 2001 - Chuyên viên Phòng Quản lý KT Công ty Sông Đà 9
- 2001 – 2002 - Phó Giám đốc Ban QLCDA Đầu tư – Công ty Sông Đà 9
- 2002 – 2003 - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 thuộc Công ty Sông Đà 9
- 2004 đến nay - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ : 40.699 cổ phần
- Trong đó
 - Sở hữu cá nhân : 40.699 cổ phần
 - Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
- Sở hữu do những người có liên quan nắm giữ:
 - Con trai: Ông Đào Nhật Tú - số cổ phần nắm giữ: 9.725 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

4. Họ và tên: Lê Quốc Huy

- Giới tính : Nam



SÔNG ĐÀ 9.06

- Ngày tháng năm sinh : 20/8/1974
- Nơi sinh : Phú Xuyên – Hà Tây
- Số CMND : 111177856 cấp ngày 10/01/2001 tại Hà Tây
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, Hà Tây
- Điện thoại liên lạc : 04 8389917
- Trình độ giáo dục phổ thông : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác

Thời gian công tác 15 năm gần đây**Chức vụ, đơn vị công tác**

- 1997 – 1999 - Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Sông Đà
 - 1999 – 2003 - Đội trưởng – Công ty Xây dựng số 2 - Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội.
 - 2004 – 2005 - Giám đốc Xí nghiệp 962 – Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
 - 2006 đến nay - Đội trưởng – Công ty CP Sông Đà 9.06- Phó TGD
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT- Phó tổng giám đốc CTCP Sông Đà 9.06- Giám đốc chi nhánh TPHCM
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: *Không*
 - Số cổ phần nắm giữ : 37.500 cổ phần
Trong đó
 - Sở hữu cá nhân : 37.500 cổ phần
 - Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
 - Sở hữu do những người có liên quan nắm giữ : *không*
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : *không*

5. Họ và tên: Nguyễn Văn Phúc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1966
- Nơi sinh : Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Tây
- Số CMND : 114011209 cấp ngày 05/3/1993 tại Hà Tây
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 7B, Ao Sen 7, Văn Mỗ, TP Hà Đông, tỉnh Hà Tây
- Điện thoại liên lạc : 04 7683841



SÔNG ĐÀ 9.06

- Trình độ giáo dục phổ thông : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế máy
- Quá trình công tác

Thời gian công tác 15 năm gần đây**Chức vụ, đơn vị công tác**

- 1990 – 1993 - Chuyên viên Phòng Kinh tế Kế hoạch Tổng Công ty Sông Đà
- 1993 – 1994 - Phòng Kinh tế Kế hoạch - đại diện Tổng Công ty Sông Đà tại Yaly
- 1994 – 2001 - Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Sông Đà 3
- 2001 đến nay - Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Sông Đà 9
- Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 – Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 9, kiêm Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty CP Sông Đà 9
- Số cổ phần nắm giữ : 200.000 cổ phần
- Trong đó
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn CTCP Sông Đà 9 : 200.000 cổ phần
- Sở hữu do những người có liên quan nắm giữ : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

6. Họ và tên: Lê Văn Toàn

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 30/4/1975
- Nơi sinh : Triệu Sơn – Thanh Hoá
- Số CMND : 171817228 cấp ngày 23/3/1993 tại Thanh Hoá
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Xóm Lại - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 04 7557144
- Trình độ giáo dục phổ thông : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác

Thời gian công tác 15 năm gần đây**Chức vụ, đơn vị công tác**

- 08/1998 - 1999 - Tổng Công ty Sông Đà



SÔNG ĐÀ 9.06

- 1999 – 2000 - Tổng Công ty Xây dựng hạ tầng (Licogi)
 - 2000 – 2001 - Công ty kinh doanh vật tư và xây lắp Sông Đà 15
 - 2001 – 2003 - Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 9.06 trực thuộc Sông Đà 9
 - 2004 đến nay - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
- Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
 - Số cổ phần nắm giữ : 800 cổ phần
Trong đó
 - Sở hữu cá nhân : 800 cổ phần
 - Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
 - Sở hữu do những người có liên quan nắm giữ: Vợ: Bà Nguyễn Thu Nghĩa số cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

7. Họ và tên: Nguyễn Thanh Hải

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/10/1974
- Nơi sinh : Duy Tiên – Hà Nam
- Số CMND : 012956888 cấp ngày 17/4/2007 tại Hà Nội
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : P213- H2- Khu TT Kim Giang – P. Kim Giang – Thanh Xuân – Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 0912 247 248
- Trình độ giáo dục phổ thông : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh Tế
- Quá trình công tác

Thời gian công tác 15 năm gần đây**Chức vụ, đơn vị công tác**

- 1998 – 2000 - Chuyên viên kế toán – Công ty Sông Đà 2
- 2000 – 2004 - Chuyên viên kế toán – Công ty Sông Đà 8
- 2004 – 2006 - Chuyên viên kế toán – Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Sông Đà



SÔNG ĐÀ 9.06

- 2006 – 2007 - Phó Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
- 10/2007 đến nay - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ : 40.000 cổ phần
- Trong đó
 - Sở hữu cá nhân : 40.000 cổ phần
 - Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
- Sở hữu do những người có liên quan nắm giữ:
Anh trai: Ông Nguyễn Thanh Hà : 48.740 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : *không*

8. Họ và tên: Dương Kim Ngọc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/4/1963
- Nơi sinh : Phú Thọ
- Số CMND : 012207557 cấp ngày 03/4/1999 tại Hà Nội
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 10, ngõ 40, đường Nguyễn Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 04 7683845
- Trình độ giáo dục phổ thông : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác

Thời gian công tác 15 năm gần đây**Chức vụ, đơn vị công tác**

- 1990 – 1991 - Cán sự Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Vĩnh Phúc
- 1991 – 1994 - Phó kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Đà
- 1994 – 1997 - Kế toán trưởng Công ty Tư vấn Sông Đà
- 1997 – 2001 - Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 8
- 2002 – 2002 - Kế toán trưởng Công ty xi măng Sông Đà
- 2002 – 2005 - Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Đà, Kế toán trưởng Đại diện Tổng Công ty Sông



Đà tại Miền Trung

- 2005 – 2006 - Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Đà
- 03/2006 đến nay - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 9
- Chức vụ hiện nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 9
- Số cổ phần nắm giữ : 100.000 cổ phần
Trong đó
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn CTCP Sông Đà 9: 100.000 cổ phần
- Sở hữu do những người có liên quan nắm giữ : *không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : *không*

9. Họ và tên: Nguyễn Văn Đại

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/02/1961
- Nơi sinh : Lý Nhân – Hà Nam
- Số CMND : 230611162 cấp ngày 25/4/2000 tại Gia Lai
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Phòng 406, nhà H1-3, phường Thanh Xuân Nam, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 04 7683746
- Trình độ giáo dục phổ thông : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh Tế
- Quá trình công tác

Thời gian công tác 15 năm gần đây

Chức vụ, đơn vị công tác

- 1982 – 1989 - Công ty Vận tải 500 xe - Tổng Công ty Sông Đà
- 1990 – 1991 - Hợp tác lao động tại Cộng hoà Iraq
- 1992 – 2002 - Phó phòng Tổ chức Hành chính Công ty Xây lắp Thi công Cơ giới - Tổng Công ty Sông Đà
- 2002 – 2003 - Phó Chánh văn phòng – Ban Điều hành Dự án Thủy điện Tuyên Quang
- 2003 đến nay - Trưởng phòng Tổ chức Hành chính

Công ty Cổ phần Sông Đà 9

- Chức vụ hiện nay: Ủy viên Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cổ phần Sông Đà 9
- Số cổ phần nắm giữ : 100.000 cổ phần
Trong đó
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn CTCP Sông Đà 9 : 100.000 cổ phần
- Sở hữu do những người có liên quan nắm giữ: Vợ: Bà Nguyễn Thị Chính - số cổ phần nắm giữ: 2.709 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : *không*

10. Họ và tên: Trần Đức Hạnh

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/01/1971
- Nơi sinh : Hương Sơn – Hà Tĩnh
- Số CMND : 012436758 cấp ngày 29/3/2007 tại Hà Nội
- Quốc tịch: : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 14 ngách 45/1 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc : 04 5583830
- Trình độ giáo dục phổ thông : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi
- Quá trình công tác

Thời gian công tác 15 năm gần đây

Chức vụ, đơn vị công tác

- 1994 – 1996 - Cán bộ kỹ thuật – Công ty Sông Đà 10
 - 1996 – 2001 - Đội trưởng – Công ty Sông Đà 15
 - 2001 – 2003 - Đội trưởng – Xí nghiệp Sông Đà 9.06 trực thuộc Công ty Sông Đà 9
 - 2003 – 2004 - Giám đốc Xí nghiệp 2 trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.09
 - 2004 đến nay - Đội trưởng – Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
 - Số cổ phần nắm giữ : 20.000 cổ phần
Trong đó
 - Sở hữu cá nhân : 20.000 cổ phần



- o Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
- Sở hữu do những người có liên quan nắm giữ:
Vợ: Bà Kiều Thị Hồng Lan - số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

13.1. Kết quả kinh doanh dự kiến của Công ty đến năm 2010.

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch			
			Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Doanh thu thuần	triệu đồng	58.500	105.000	121.150	166.650
	<i>Doanh thu xây lắp</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>54.000</i>	<i>75.000</i>	<i>95.000</i>	<i>110.500</i>
	<i>Doanh thu khác</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>4.500</i>	<i>30.000</i>	<i>45.000</i>	<i>65.000</i>
2	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	6.000	9.000	13.500	20.250
3	Vốn điều lệ	triệu đồng	25.000	50.000	70.000	100.000
4	Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	%	10,26	10,4	11,14	12,15
5	Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu	%	20,67	20,80	25,30	31,97
6	Tỷ lệ cổ tức	%	15,0	16,0	17,0	18,0

(Nguồn: Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06)

13.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Đến tháng 9 năm 2007, doanh thu của Công ty là 28,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ước đạt ~4,38 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành 48,29% kế hoạch doanh thu và ~71,4% kế hoạch lợi nhuận. Quý VI năm 2007, Công ty đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã triển khai và đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh toán.

Các công trình dự kiến nghiệm thu trong quý IV/2007

ĐVT: tỷ đồng

Tên công trình	Giá trị doanh thu trong quý
Thủy điện Sê San	2,0
Đường Cổ Lũng - Lạng Sơn	1,0
Đường Đan Phượng - Hà Tây	2,0
Công trình thủy lợi Iam'LA	4,0
Khách sạn Quảng Ninh	6,0
Thủy điện Nậm Xây Nội 2	10,0
Các công trình khác	9,0
Tổng	32,0

(Nguồn: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2007 của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06)

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2007 và định hướng phát triển cho những năm tới, Công ty triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

a. Công tác tổ chức hành chính:



- Sắp xếp lại các phòng ban nghiệp vụ, trong đó thực hiện việc phân công trách nhiệm quyền hạn cụ thể của từng CBCNV nhằm đề cao tính tự giác, tự chịu trách nhiệm trước công việc.
- Bổ sung cán bộ kỹ thuật, đảm bảo cơ bản độc lập thi công tại hiện trường.
- Cử CBCNV đi học thêm nghiệp vụ theo yêu cầu công việc và các lớp học của Tổng công ty triệu tập.
- Tăng cường việc đào tạo số kỹ sư, cử nhân và công nhân mới ra trường... để sớm đưa vào dây truyền sản xuất.
- Xây dựng chính sách nhằm thu hút CBCNV có kinh nghiệm và tạo điều kiện cho CBCNV trong đơn vị phát huy hết năng lực công tác.

b. Công tác sản xuất - thi công:

- Quan tâm xây dựng cán bộ phòng ban đủ mạnh để có thể hoàn thành tốt những nhiệm vụ mới, ngoài ra còn có thể hỗ trợ kịp thời các đội khi có công việc phát sinh trong quá trình thi công.
- Trước khi thi công bắt buộc phải lập các biện pháp, từ đó chọn biện pháp thi công tối ưu nhằm giảm thiểu chi phí.
- Công tác an toàn lao động, thường xuyên giám sát chặt chẽ, cấp đầy đủ bảo hộ lao động và xây dựng chi tiết hơn nữa nội quy kỷ luật vật chất về an toàn lao động. Cương quyết thi hành kỷ luật đối với những trường hợp cố tình hoặc luôn sao nhãng trong công tác này.
- Đối với công trình trọng điểm, xây dựng quy trình điều hành hợp lý chặt chẽ phân cấp cụ thể cho cán bộ thi công, tạo sự chủ động trong chỉ đạo thi công và tự chịu trách nhiệm. Thành lập kịp thời những tổ đội để triển khai thi công những công việc nhỏ lẻ, độc lập.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, mở rộng thị trường.

Các hợp đồng đã ký kết đang thực hiện:

ĐVT: tỷ đồng

Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Khởi công	Hoàn thành
Khách sạn Quảng Ninh – CT NV 01	12,5	1/2007	1/2009
Xưởng may nhà máy dệt kim Phong Vân	10,5	02/2007	02/2009
Công trình thủy lợi IAM'LA	8.1	5/2007	5/2008
Hồ chứa nước Đàm Hà (Quảng Ninh)	1,06	5/2007	02/2008
Điện cao thế và trạm biến áp hồ chứa nước Đàm Hà - Quảng Ninh	1,0	02/2007	02/2008
Tổng cộng	33.16		

(Nguồn: Số liệu báo cáo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 năm 2007).

c. Công tác đầu tư:

Từ nay đến năm 2010, Công ty đẩy mạnh công tác đầu tư. Ước tính tổng giá trị đầu tư đạt hơn 250 tỷ đồng, trong đó có hai dự án trọng điểm mà Công ty đang hoàn thiện các



thủ tục cuối cùng để tiến hành khởi công.

DVT: tỷ đồng

Tên công trình	Giá trị đầu tư	Tiến độ thực hiện dự án
Khu nhà chung cư hỗn hợp ngõ 100B - Hoàng Quốc Việt	100	<ul style="list-style-type: none"> Đang hoàn tất các thủ tục xin giao đất. Quý I năm 2008 khởi công, Quý III năm 2010 hoàn thành.
Dự án xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Xây Nội 2	150	<ul style="list-style-type: none"> Đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Từ quý IV năm 2007 đến Quý II năm 2010
Tổng cộng	250	

(Nguồn: Số liệu báo cáo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 năm 2007).

Công ty sẽ thực hiện vai trò Chủ đầu tư và trực tiếp tiến hành thi công, kinh doanh vào 2 dự án trên. Đây là hai dự án có quy mô lớn, mang lại hiệu quả kinh tế cao, đánh dấu mốc quan trọng khẳng định bước chuyển mình mạnh mẽ của Công ty vào mảng đầu tư kinh doanh các dự án và lĩnh vực bất động sản.

Đối với dự án Khu nhà chung cư hỗn hợp ngõ 100B - Hoàng Quốc Việt, Công ty sẽ tiến hành đầu tư thành nhiều bước theo hình thức dùng một phần vốn lưu động hiện có của doanh nghiệp kết hợp với một phần vốn góp của khách hàng (theo luật định) đăng ký tham gia dự án.

Đối với dự án thủy điện Nậm Xây Nội 2, Công ty đã được Ngân hàng phát triển Việt Nam đồng ý về mặt nguyên tắc về việc cho vay vốn thực hiện.

Các thông số kinh tế của dự án:

STT	Dự án	Giá trị hợp đồng		Kế hoạch thực hiện	
		Giá trị ước tính	Lợi nhuận dự kiến	Năm bắt đầu	Năm kết thúc
1	<p>Dự án thủy điện Nậm Xây Nội 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã hoàn thiện xong phần thiết kế cơ sở và được UBND tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận đầu tư ngày 29/11/2007. Đã có Công văn số 2873/CV-EVN-KH về việc chấp thuận mua điện của Tập đoàn Điện lực. Dự kiến tháng 11/2007 sẽ tiến hành thi công đường công vụ. Dự kiến đầu năm 2010 đưa vào vận hành, khai thác. 	150 tỷ	<ul style="list-style-type: none"> Giai đoạn thi công xây lắp: 24 tỷ VNĐ. Giai đoạn vận hành, khai thác (7 năm): 3 tỷ VNĐ/năm. Giai đoạn sau hoàn vốn: ~18 tỷ VNĐ/năm 	2007	2010
2	<p>Dự án khu nhà chung cư hỗn hợp 100B Hoàng Quốc Việt (2.000m²).</p> <ul style="list-style-type: none"> Đang tiến hành nghiên cứu dự án và hoàn 	100 tỷ VNĐ	<ul style="list-style-type: none"> Giai đoạn thi công xây lắp: 5 tỷ VNĐ. 	2008	2009



<p>thiện các văn bản xin giao đất.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có Công văn số 588/CV-UB ngày 25 tháng 12 năm 2006 của UBND xã Cổ Nhuế và Công văn số 180/VPUB-NNĐC ngày 23 tháng 01 năm 2007 của UBND thành phố Hà Nội đề nghị Công ty liên hệ với Sở Tài nguyên, Môi trường, Nhà đất để được hướng dẫn các thủ tục xin giao đất. ▪ Đã tiến hành đo vẽ xong chỉ giới đường đỏ với Sở Địa chính Hà Nội. ▪ Đã có công văn số 2840/TNMTNĐ-KHTH ngày 29 tháng 06 năm 2007 của Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất về việc hướng dẫn đơn vị làm thủ tục đầu tư dự án. ▪ Giữa tháng 09 năm 2007 Công ty có công văn gửi Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà nội xin chỉ giới đường đỏ và quy hoạch tổng thể. 		<p>* Giai đoạn vận hành, khai thác: 50 tỷ VNĐ.</p>		
---	--	--	--	--

(Nguồn: Số liệu báo cáo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 năm 2007)

Ghi chú: Lợi nhuận dự kiến trong giai đoạn thi công xây lắp có được do Công ty tự thi công, vậy nên các nguồn lực của doanh nghiệp được phát huy hiệu quả và tiết kiệm được các khoản chi phí.

Ngoài ra, hiện tại Công ty đang tiến hành triển khai thêm một số dự án về bất động sản và thủy điện khác nhằm tạo sự phát triển bền vững. Chỉ tính riêng khối lượng thi công mà Công ty làm Chủ đầu tư đã đáp ứng đủ công ăn việc làm cho mảng thi công xây lắp đến năm 2010.

Sau khi các dự án bất động sản, thủy điện đi vào khai thác Công ty sẽ thành lập các xí nghiệp kinh doanh từ các dự án này, đây là nguồn thu nhập ổn định hàng năm của Công ty.

d. Công tác kinh tế, kế hoạch, vật tư và tài chính kế toán:

- Số cán bộ chuyên môn nghiệp vụ làm kế hoạch phải bám sát hiện trường, thị trường, phối hợp tốt hơn nữa để có thể xây dựng kế hoạch sát thực, tạo điều kiện chuẩn bị sản xuất không bị động.
- Soạn thảo hợp đồng đúng đủ theo đúng pháp luật, phòng ngừa mọi tranh chấp đáng tiếc xảy ra.
- Mở rộng quan hệ mạng tính thường xuyên với bạn hàng, quyết định nhập hàng đúng chủng loại với giá thấp nhất.
- Đầu tư về thời gian, công cụ và cơ chế để công tác thu vốn đạt hiệu quả kịp thời theo từng giai đoạn xây lắp hoàn thành. Phần đầu thu hồi hết công nợ phải thu trong năm.

e. Kế hoạch huy động vốn:



Để triển khai rất nhiều dự án đã ký kết và đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của doanh nghiệp, trong những năm tới, Công ty cần lượng vốn rất lớn. Theo kế hoạch, Công ty sẽ tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ như hiện nay lên 100 tỷ vào năm 2010. Ngoài ra Công ty còn tích cực tìm kiếm nhiều nguồn vốn tín dụng khác như Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã cam kết tài trợ 130 tỷ cho các dự án của Công ty triển khai trong năm tới với lãi suất ưu đãi.

13.3. Các định hướng và mục tiêu phát triển đến năm 2010.

Nếu như những năm trước đây, công tác đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước thì hiện nay, với chính sách thông thoáng trong lĩnh vực thu hút vốn đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế xã hội, Nhà nước chỉ chịu trách nhiệm quản lý về quy hoạch tổng thể, định hướng phát triển và đầu tư các dự án trọng điểm, liên quan đến an ninh quốc phòng ... còn lại giao cho doanh nghiệp thực hiện công tác đầu tư và kinh doanh, tự chủ trong huy động các nguồn vốn, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động theo quy định của pháp luật.

Với cơ chế chính sách mới này và bề dày kinh nghiệm trong quản lý, thi công dự án, từ nay đến 2010 Công ty sẽ điều chỉnh cơ cấu ngành nghề, tăng tỷ trọng đầu tư giảm tỷ trọng xây lắp, phân đấu giảm tham gia đấu thầu thi công các công trình mà tự thi công các công trình thuộc các dự án của mình, bằng cách tăng cường triển khai các dự án về bất động sản, thủy điện là 2 ngành nghề truyền thống và là thế mạnh của đơn vị.

Trước mắt thực hiện tốt các hợp đồng đã có như:

- Công trình thủy lợi IAM'LA
- Khách sạn Quảng Ninh – CT - NV 01

Quý IV / 2007: Tham gia đấu thầu và phân đấu trúng thầu khoảng 100 tỷ đồng để thực hiện trong thời gian các dự án đầu tư của Công ty chưa triển khai mạnh.

Triển khai tốt 2 dự án: Thủy điện Nậm Xây Nội 2; Nhà hỗn hợp 100B Hoàng Quốc Việt

Tiếp tục xúc tiến các dự án về bất động sản ở Hà Nội, Hà Tây, TP.HCM và các dự án thủy điện ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Mở rộng công tác đầu tư vào các lĩnh vực khác (Tài chính, nước sạch) đảm bảo mức tăng trưởng bền vững hàng năm từ 15-20 %, cổ tức hàng năm đạt trên 15 %.

Vốn điều lệ sẽ được tăng phù hợp với sự phát triển của Công ty, dự kiến đến năm 2010 là 100 tỷ.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Qua quá trình thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Sông Đà 9.06 cũng như ngành Xây dựng và đầu tư Thủy điện nói chung, trong 10 năm tới, mức tăng trưởng doanh thu hàng năm (với quan điểm thận trọng) đạt khoảng (15-20)% là hoàn toàn có thể thực hiện được. Là một trong những Doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm trong thi công cơ giới, xây dựng và quản lý điều hành các dự án Thủy điện, được các tổ chức trong nước và các tập đoàn kinh tế lớn trong khu vực biết đến với thương hiệu Sông Đà 9.06 - Tổng Công ty Sông Đà, Công ty cổ phần Sông Đà 9.06 sẽ có thể duy trì và mở rộng được thị phần của mình trên thị trường và đạt được mức độ tăng trưởng cao.



SÔNG ĐÀ 9.06

Trên cơ sở những điều kiện mà Công ty hiện có, việc Sông Đà 9.06 đạt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận như trên là hoàn toàn có tính khả thi, công ty có thể thực hiện trả cổ tức 14%-18%/năm.

Những ý kiến nhận xét, đánh giá trên đây là quan điểm độc lập của chúng tôi, được dựa trên cơ sở những thông tin thu thập có chọn lọc và những lý thuyết về Tài chính dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn. Nhận xét này chỉ có ý nghĩa tham khảo đối với các nhà đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

(Không có)

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

(Không có)

**IV. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

- 1. Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- 2. Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- 3. Tổng số cổ phiếu:** 2.500.000 cổ phiếu
- 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng**

Danh sách cổ đông và số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật khi cổ phiếu của Công ty được tiến hành niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tổng số cổ phần nắm giữ	Cơ cấu cổ phiếu nắm giữ	
				Sở hữu cá nhân(CP)	Đại diện phần vốn Công ty CP Sông Đà 9.
1	Nguyễn Đăng Lanh	Chủ tịch HĐQT	400.000	0	400.000
2	Đinh Ngọc Ánh	Ủy viên HĐQT, TGD	250.000	50.000	200.000
3	Đào Viết Thọ	Ủy viên HĐQT, P.TGD	40.699	40.699	0
4	Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên HĐQT	200.000	0	200.000
5	Lê Quốc Huy	Ủy viên HĐQT	37.500	37.500	0
6	Lê Văn Toàn	Phó T.Giám đốc	800	800	0
7	Dương Kim Ngọc	Trưởng Ban Kiểm soát	100.000	0	100.000
8	Nguyễn Văn Đại	Ủy viên Ban Kiểm soát	100.000	0	100.000
9	Trần Đức Hạnh	Ủy viên Ban Kiểm soát	20.000	20.000	0
10	Nguyễn Thanh Hải	Kế toán trưởng	40.000	40.000	0
	Tổng cộng		1.188.999	188.999	1.000.000

- 5. Phương pháp tính giá:** Giá trị sổ sách của Công ty

Công thức tính giá trị sổ sách như sau:

Nguồn vốn chủ sở hữu - Nguồn kinh phí và quỹ khác

Giá trị sổ sách 1 cổ phần = -----

Số cổ phần đã phát hành - Cổ phiếu quỹ

Thời điểm	2005	2006	30/9/2007
Mệnh giá 1 cổ phần (VNĐ)	100.000	100.000	10.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	49.250	50.000	2.500.000
Số lượng cổ phần quỹ	0	0	0
Vốn chủ sở hữu (VNĐ)	5.943.601.770	6.405.597.615*	30.859.320.846**
Giá trị sổ sách 1 cổ phần (VNĐ)	120.682	128.112	12.343

(Nguồn: Theo Báo cáo tài chính năm 2005, 2006 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2007 do Công ty tự lập)

Ghi chú (*), (**): Số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2006 là 132.760.433 đồng được tạm trích bổ sung Quỹ đầu tư phát triển. Quý VI năm 2007, Công ty đã dùng số tiền này để hoàn thành nghĩa vụ thuế với nhà nước, vì vậy vốn Chủ sở hữu của Doanh nghiệp năm 2007 sẽ điều chỉnh giảm tương ứng 132.760.432 đồng.

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện nay, Công ty chưa có cổ đông nước ngoài và Điều lệ Công ty không quy định giới hạn thời gian tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty đối với nhà đầu tư nước ngoài

Sau khi đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 238/QĐ-TTg ban hành ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường Chứng khoán Việt Nam, theo đó tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch của tổ chức phát hành.

6. Các loại thuế có liên quan

Công ty hiện đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ chính sách ưu đãi cổ phần hóa theo điểm 1 điều 26 Chương IV của Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần; Điểm a mục 2 điều 33, mục 3 điều 36 chương V của Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Điểm 1 điều 36 của chương V, Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về việc chuyển doanh nghiệp, Công ty nhà nước thành công ty cổ phần.

Cụ thể, Công ty được miễn thuế 02 năm (năm 2004, 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo (năm 2006, 2007, 2008).

Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam hiện hành



SÔNG ĐÀ 9.06

V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÀNG AN (TAS)

Hội sở chính : Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Hà Nội

Điện thoại : (04) 9446218 Fax: (04) 9446213

Chi nhánh - Hồ Chí Minh : Lầu 2, 180-182 Lý Chính Thắng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84.8) 5262218 Fax: (84.8) 5262240.

Phòng giao dịch : Tầng 3, Toà nhà DMC, 535 Kim Mã ,Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại : (84.4) 2209597 Fax: (84.4) 2209610.

2. Tổ chức kiểm toán

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2005.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HỒNG HÀ

Trụ sở : Số 72 - An Dương - Tây Hồ - Hà Nội - Việt Nam

Tel: 04-8239118 Fax: 04-7171086

Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2006.

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

CHI NHÁNH QUẢNG NINH

Trụ sở : Số 1 - Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam

Tel: 04-8241990/1 Fax: 04-8253973

Chi nhánh : Cột 2 - Đường Nguyễn Văn Cừ - Hạ Long - Quảng Ninh

Tel : 0.33.6.27571/2 Fax : 0.33.6.27572

**VI. PHỤ LỤC**

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
- 3. Phụ lục III:** Biên bản xác định giá trị tài sản
- 4. Phụ lục IV:** Bản định giá trang thiết bị, nhà xưởng,...
- 5. Phụ lục V:** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
- 6. Phụ lục VI:** Báo cáo năm 2006 được kiểm toán bởi một trong các công ty kiểm toán được UBCK chấp thuận
- 7. Phụ lục VII:** Các báo cáo tài chính năm 2005, 2006 và 09 tháng 2007

CHỦ TỊCH HĐQT**TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN ĐĂNG LANH

ĐINH NGỌC ÁNH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

DƯƠNG KIM NGỌC

NGUYỄN THANH HẢI

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
TỔNG GIÁM ĐỐC****LÊ HÒ KHÔI**